

9. HUYỆN BÌNH LIÊU

I. BẢNG GIÁ

A. TÀI SẢN: THẠCH TRẦN BÌNH LIÊU - Ô THẠCH LOẠI V

STT	TÊN CÁC CÔNG TRÌNH PHÂN KHU DÂN C	MỨC GIÁ (/M ²)
1	Bán mặt công Quố c l 18 C o n t c ng Huy n i n nhà Ông Hoàng Công Thành	1.500.000
2	Bán mặt công quố c l 18 C o n t nhà Ông Hoàng Công Thành n Vi n ki m sát	1.500.000
3	Bán mặt công Quố c l 18 C o n t nhà Bà Vi Th An n nhà Ông Tr n Kim Ng c	1.700.000
4	Bán mặt công Quố c l 18 C o n t nhà Ông L ng L ng n ng r vào Tr ng c p 11, III	1.500.000
5	Dãy nhà xung quanh ch và dãy ki t ch th tr n (t nhà Bà Bùi Th V n n nhà Ông Lý M n; t nhà Ông Tô Xuân Long n nhà Bà Chu Th Long; t nhà Ông Tr n Khang n ti p giáp nhà Quy Phú) khu Bình Công 1.	1.300.000
6	ng i di n c ng ch n ngã ba giáp ng i khu vui ch i th tr n khu Bình Công 2 (bán m t ng)	1.300.000
7	Bán mặt công t nhà Ông Tr nh Quố c H ng n nhà Ông Hoàng Thanh Tâm khu Bình Công 2	1.300.000
8	Bán mặt công quy ho ch khu dân c t nhà Bà Lê Th Tám n nhà Bà Hoàng Th Mai (Kh i) Khu Bình Công 2	1.300.000
9	Bán mặt công khu dân c Bình Quy n t nhà Ông Tr n V n Hai n nhà Ông Ngô Kiên	1.200.000
10	Bán mặt công t nhà Ông Hoàng Ng c Ngò n phòng Tài chính-KH (c) khu Bình Dân	1.300.000
11	Khu quy ho ch dân c m i ng n i th Th tr n Bình Liêu Khu Bình Công 1.	1.300.000
12	Bán mặt công t nhà Ông Hoàng H p n nhà Bà Di p Th Li u Khu Bình Quy n	1.200.000
13	Bán mặt công t nhà Bà Di p Th Li u n nhà Ông M Nguyên Khu Bình Quy n	1.200.000
14	Bán mặt công t nhà Ông Lý c Phong n c ng trung tâm y t khu Bình An	1.100.000
15	Bán mặt công t nhà Ông Hoàng Quân n nhà Ông L ng Quố c Th ng khu Bình Công 2	1.100.000
16	Bán mặt công t nhà Ông Hoàng Th Ch ng n c ng Tr ng ti u h c khu Bình An	1.000.000
17	Bán mặt công t ti p giáp phòng tài chính-KH c n n nhà Ông Vi Trung H i khu Bình ng	1.000.000
18	Bán mặt công t c ng trung tâm y t n sân bay Khu Bình An	700,000
19	Khu dân c gi a ru ng khu Bình ng	700,000

STT	TÊN CÁC Ô N NG PH , KHU DÂN C	M C GIÁ (/M2)
20	Bám m t ng t nhà Ông Tr n Tú Nghi p n nhà Ông Ph m V n Giao Khu Bình Công 1	700,000
21	Bám m t ng t nhà Ông Tr n V n S n n nhà Ông Chu V n Th ng Khu Bình Công 1	900,000
22	Bám m t ng t sau nhà Ông Chu V n Th ng n nhà Ông Mã H ng Th nh Khu Bình Công 1	900,000
23	Bám m t ng t ti p giáp nhà Ông Mã H ng Th nh n nhà Ông Tr n ng Khu Bình Công 1	600,000
24	T ti p giáp nhà Ông Tr n ng n nhà Bà Lô Th Sin Khu Bình Công 1	300,000
25	Bám m t ng t ngã ba ng r Tr ng c p 2, 3 (sau nhà Ông La Ti n C m) n c ng tr ng c p 2, 3 th tr n khu Bình Công 2	400,000
26	T nhà Ông Nguy n Ng c Hà n khu t p th Lâm tr ng c -khu Bình Công 2	700,000
27	Bám m t ng Qu c l 18 C o n t ngã t ng r c p 2, 3 n ngh a trang li t s huy n khu Bình Công 2	400,000
28	Bám m t ng t nhà Ông Sái Ti n ng n sau phòng Tài chính -KH c khu Bình Dân	600,000
29	Bám m t ng Qu c l 18 C o n t nhà Ông L c Th Quy n n u c u P c Hoóc khu Bình Quy n	700,000
30	Khu dân c sau KHHG , Chi c c thu và kho b c huy n khu Bình An.	600,000
31	Bám m t ng t ngã ba ng r tr ng oàn c n nhà Ông Tô Nam khu Bình Công 1	300,000
32	Khu dân c khu v c Ao thanh niên (khu bình công 2)	400,000
33	Khu dân c sau ban qu n lý d án công trình Khu Bình Quy n	400,000
34	Bám m t ng t ti p giáp nhà Ông M Nguyễn n nhà Ông Lô M u Khu Bình Quy n	400,000
35	Bám m t ng khu dân c t nhà Ông ng Minh n khu t p th giáo viên tr ng ti u h c th tr n khu Bình An	600,000
36	Bám m t ng o n ng t nhà Ông La L ng n nhà Ông Loan Thanh Nghi p khu Bình An	400,000
37	o n ng t nhà Bà Nguy n Th Minh n nhà Ông Nông M n Ký khu Bình Công 2 (bám m t ng)	500,000
38	Bám m t ng o n ng t nhà Ông Hoàng Chi u n nhà Ông Hoàng c Thanh Khu Bình Quy n	600,000
39	Bám m t ng o n ng t nhà Ông Lý H u Th c n nhà Ông Vi H i Khu Bình Công I	400,000
40	Bám m t ng o n ng t nhà Ông Ngô Ti n Sinh n nhà c ng ng Khu Bình Quy n	500,000
41	Bám m t ng o n ng t nhà Ông oàn Vang L ng n nhà Ông Hoàng B o (Thanh) Khu Bình ng	500,000
42	Bám m t ng o n ng t nhà Ông Tr n Ch t n nhà v n hóa Khu Bình ng	500,000

STT	TÊN CÁC Ô N NG PH , KHU DÂN C	M C GIÁ (/M2)
43	Các h dân c Khu Bình Quân	250,000
44	Các h dân khu v c còn l i	200,000

B. T T I NONG THON

TT	TÊN CÁC Ô N NG PH , KHU DÂN C	M C GIÁ (/M2)
I	XÃ HOÀNH MÔ (XÃ MI N NÚI)	
1	Khu v c trung tâm th ng m i Hoàn Mô	
1.1	Bám m t ng qu c l 18 C t c B2 n u ng m b u i n	1.300.000
1.2	Khu dân c i di n n 23 Hoàn Mô	1.200.000
1.3	Khu dân c sau b u i n n nhà Ban qu n lý c a kh u	1.100.000
1.4	o n ng t sau nhà Ban qu n lý C a kh u n nhà ông Tr n A S n (bám m t ng)	600,000
1.5	ng qu c l 18 C o n t u d c UBND xã n giáp c B2 (bám m t ng)	1.000.000
1.6	Khu ba dây quy ho ch A8	800,000
1.7	Khu dân c quy ho ch bãi b ch àn	800,000
1.8	o n ng t ng r vào tr ng ti u h c n p Hải n c (bám m t ng)	600,000
1.9	ng tr c chính c a kh u o n t ti p giáp khu A8 n ng i ng V n	700,000
1.10	ng Hoàn Mô- ng V n o n t kéo Nà Kì ng n c ng Tà Co ng	350,000
1.11	ng Hoàn Mô- ng V n o n còn l i	200,000
1.12	Các h dân còn l i bám QL 18C	350,000
2	Các khu v c còn l i	
2.1	Các h bám m t ng liên xã (bám m t ng)	35,000
2.2	Các khu v c còn l i	25,000
II	XÃ NG V N (XÃ MI N NÚI)	
1	Khu v c trung tâm	

STT	TÊN CÁC ỒN NG PH , KHU DÂN C	M C GIÁ (/M2)
1.1	o n ng t ngã ba ng r xu ng ch n u ng m C c L (bám m t ng)	500,000
1.2	Khu dân c hai u ch ng V n (i di n ch)	400,000
1.3	Khu dân c ch c n tr ng THCS xã (bám m t ng)	100,000
1.4	ng t Nà Làng (km7) n UBND xã (km8) (bám m t ng)	200,000
2	Các khu v c còn l i	
2.1	Các h dân bám m t ng liên xã (bám m t ng)	35,000
2.2	Các khu v c còn l i	25,000
III	XÃ HỨC NG (XÃ MI N NÚI)	
1	Khu v c trung tâm	
1.1	Bám m t ng Qu c l t u ng m Nhà ch n UBND xã	80,000
1.2	Bám m t ng khu dân c t UBND xã n u su i sang Pò án	80,000
1.3	Khu dân c trên i truy n hình	60,000
2	Các khu v c khác còn l i	
2.1	Các h bám m t ng liên xã	35,000
2.2	Các khu v c khác còn l i	25,000
IV	XÃ NG TÂM (XÃ MI N NÚI)	
1	Khu v c trung tâm	
1.1	ng QL 18 C o n t u d c g n i m V n hóa xã n u d c ài t ng ni m (bám m t ng)	400,000
1.2	o n ng bê tông t ngã ba Qu c l 18C n u p tràn sang P c Pò (bám m t ng)	150,000
1.3	Khu dân c sau UBND xã và sau B u T n v n hóa xã	100,000
1.4	Các h dân còn l i bám QL 18C	200,000
2	Các khu v c còn l i	
2.1	Các h bám m t ng liên xã (bám m t ng)	35,000
2.2	Các khu v c còn l i	25,000

STT	TÊN CÁC Ô N NG PH , KHU DÂN C	M C GIÁ (/M2)
V	XÃ L C H N (XÃ MI N NÚI)	
1	Khu v c trung tâm	
1.1	ng QL 18 C o n t ài t ng ni m n ch xã (bám m t ng)	550,000
1.2	ng QL 18 C o n t u d c C c Bá (L c Nà) n ài t ng ni m xã (bám m t ng)	350,000
1.3	ng QL 18 C o n t ch xã n Tr m xã Xã (bám m t ng)	350,000
1.4	ng qu c l 18C o n t tr m xã Xã n Ông Hoàng Kh i Th (bám m t ng)	350,000
1.5	Bám ng khu dân c quy ho ch sau ch n u d c C c Bá (L c Nà)	100,000
1.6	Các h dân còn l i bám QL 18C	200,000
2	Các khu v c còn l i	
2.1	Các h bám m t ng liên xã (bám m t ng)	35,000
2.2	Các khu v c còn l i	25,000
VI	XÃ VÕ NG I (XÃ MI N NÚI)	
1	Khu v c trung tâm	
1.1	ng QL 18 C o n t b u i n v n hóa xã n tr ng h c (bám m t ng)	400,000
1.2	ng QL 18 C o n t x ng m c Lý Phong n chân đ c C6 (bám m t ng)	250,000
1.3	o n ng t ngã ba QL 18 C n c u treo (bám m t ng)	120,000
1.4	Khu dân c sau ch , sau b u i n v n hóa xã (bám m t ng)	60,000
1.5	Các h dân còn l i bám QL 18C	200,000
2	Các khu v c còn l i	
2.1	Các h bám m t ng liên xã (bám m t ng)	35,000
2.2	Các khu v c còn l i	25,000
VII	XÃ TÌNH HỨC (XÃ MI N NÚI)	
1	Khu v c trung tâm	
1.1	ng QL 18 C o n t u c u P c Hoóc phía Tinh Húc n ài t ng ni m xã (áp giá 2 bên ng)	600,000

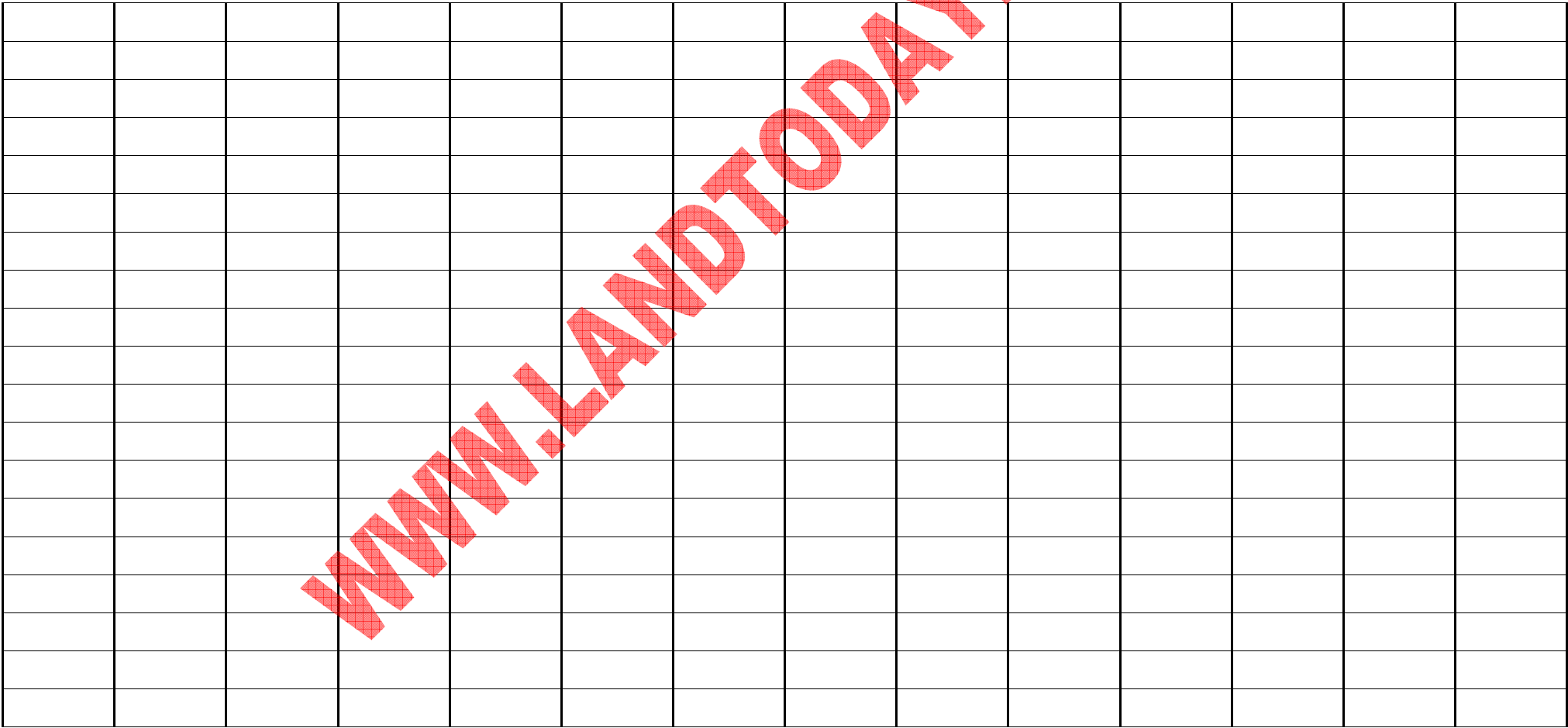
STT	TÊN CÁC Ô N NG PH , KHU DÂN C	M C GIÁ (/M2)
1.2	ng QL 18 C o n t ti p giáp ài t ng ni m n i m B u i n V n hóa xã (bám m t ng)	350,000
1.3	Các h dân còn l i bám QL 18C	200,000
2	Các khu v c còn l i	
2.1	Các h bám m t ng liên xã (bám m t ng)	35,000
2.2	Các khu v c còn l i	25,000

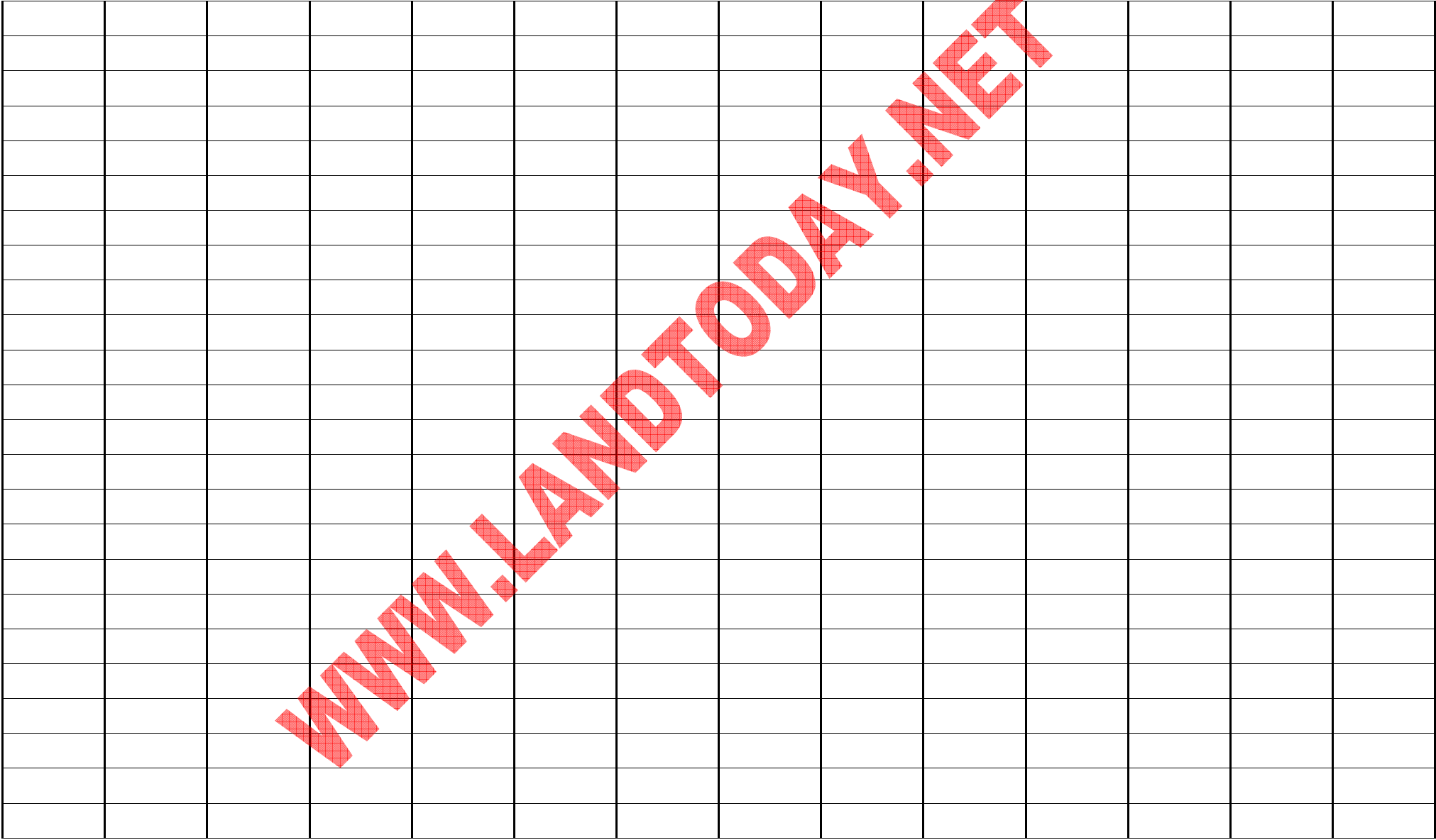
WWW.LANDTODAY.NET

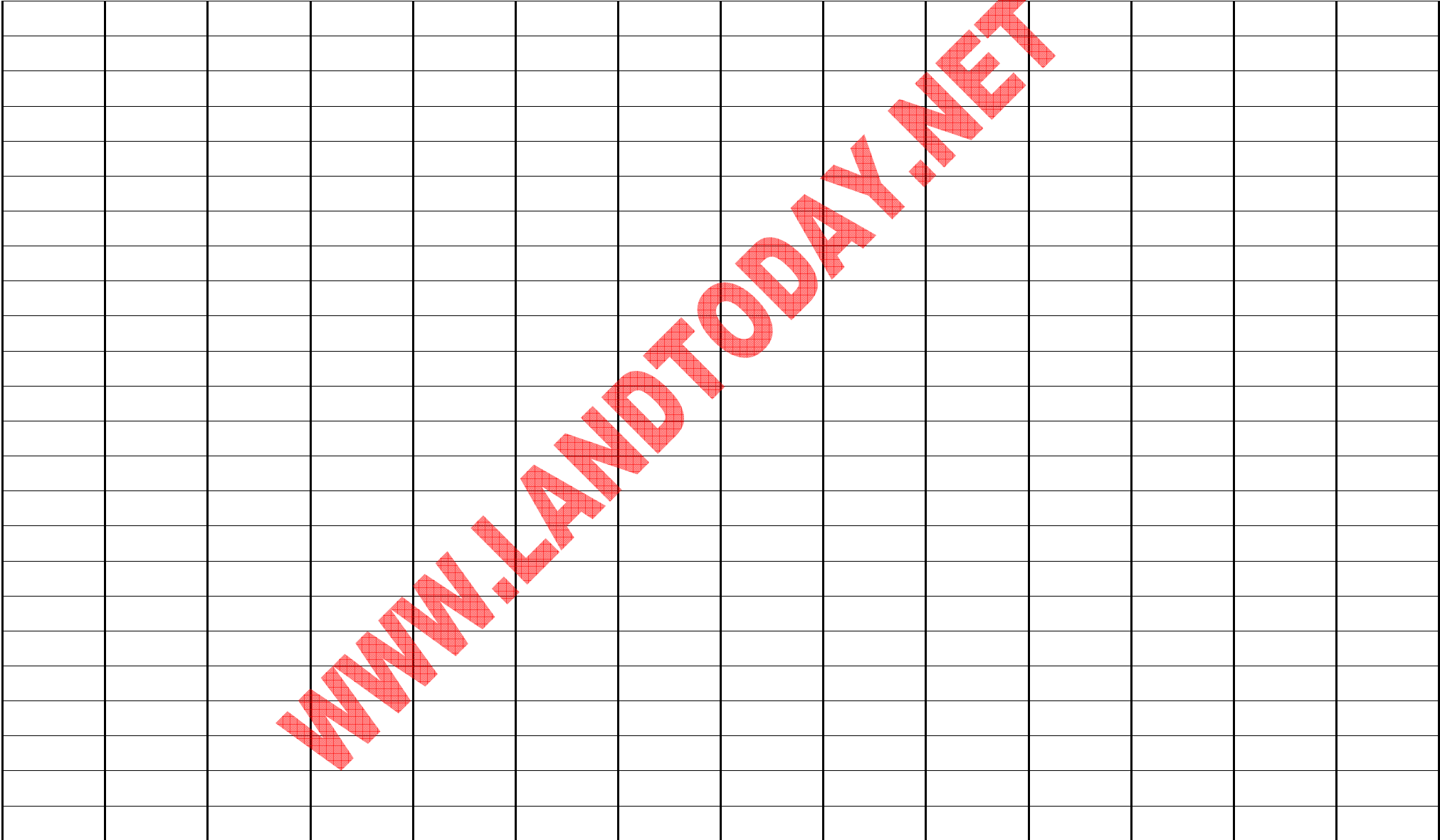
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





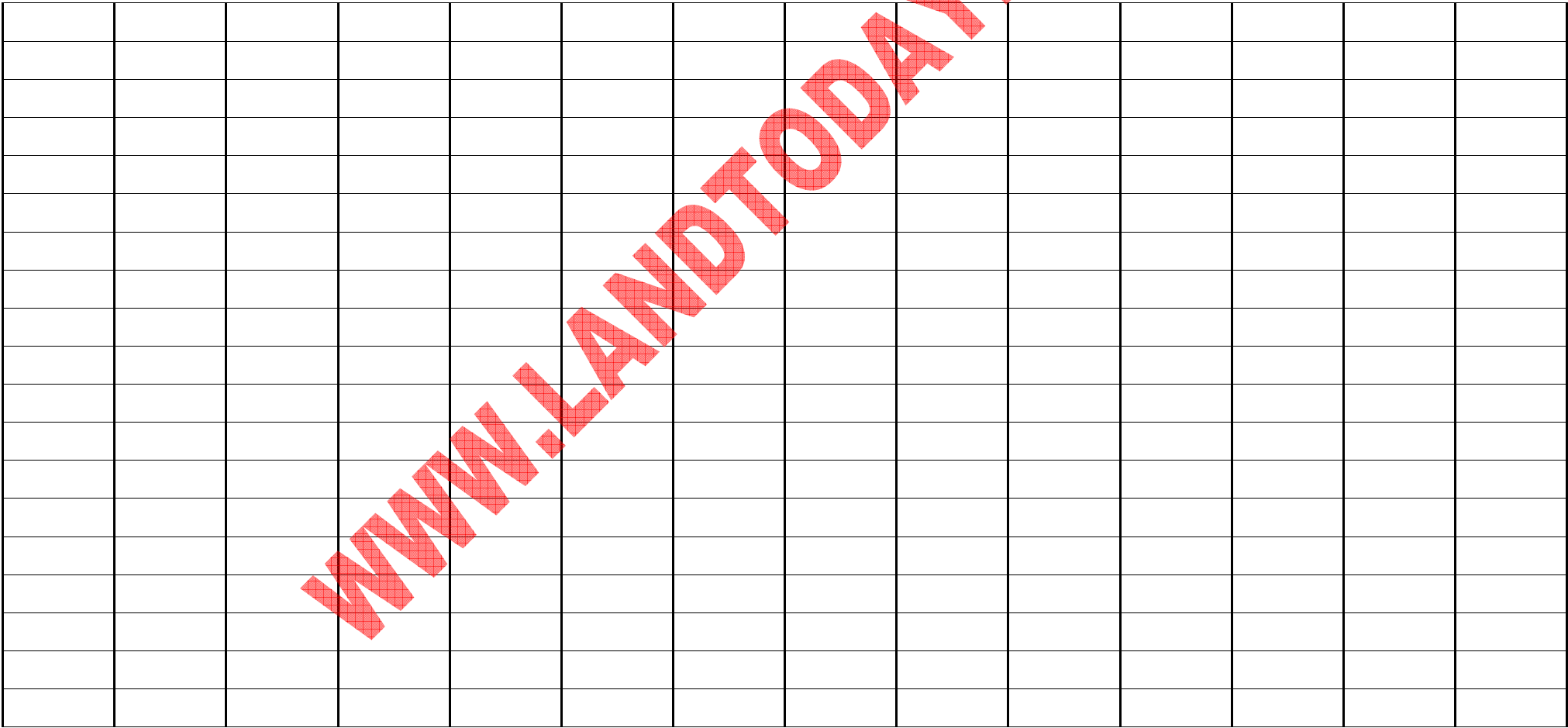


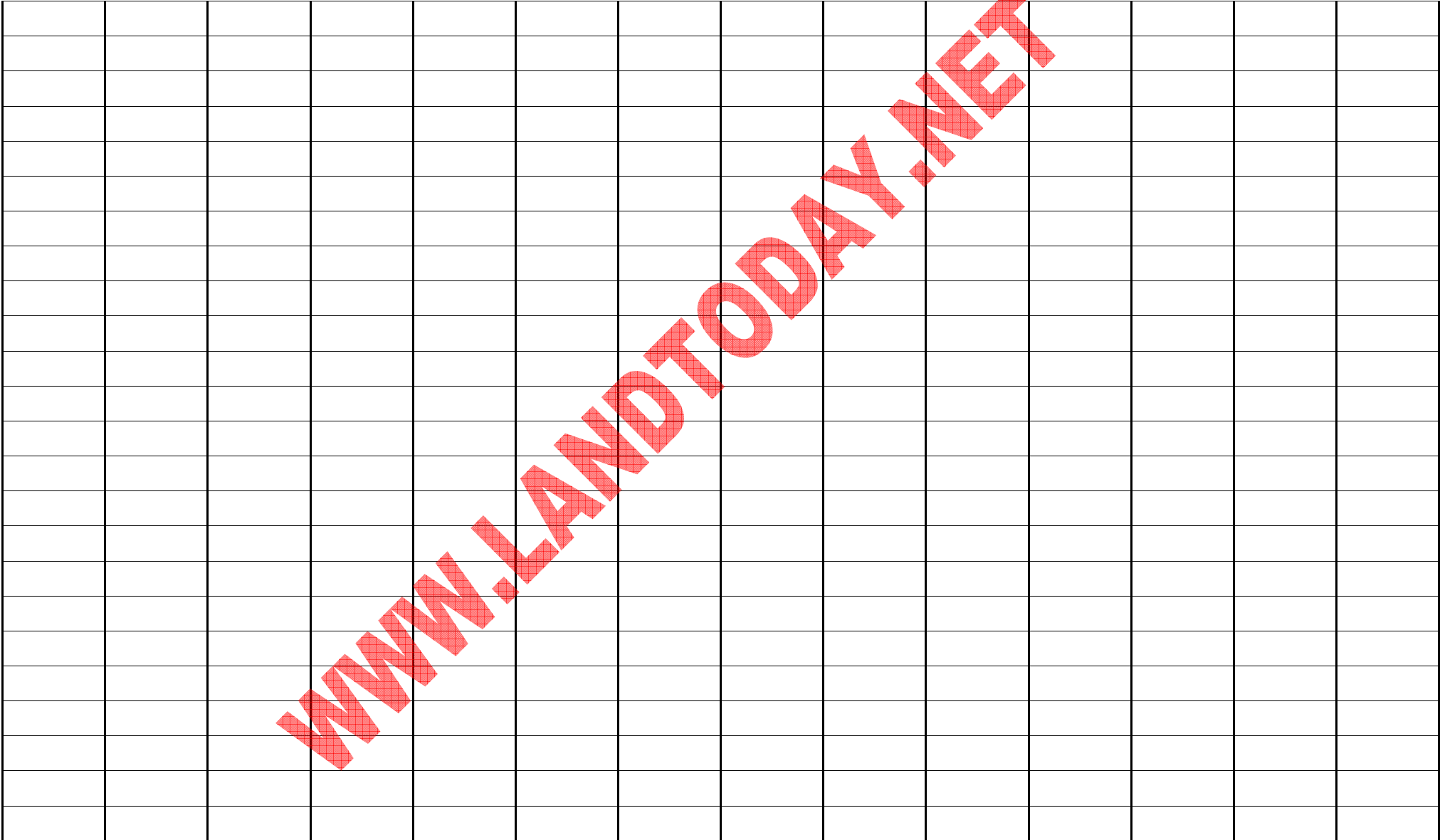
WWW.LANDTODAY.NET

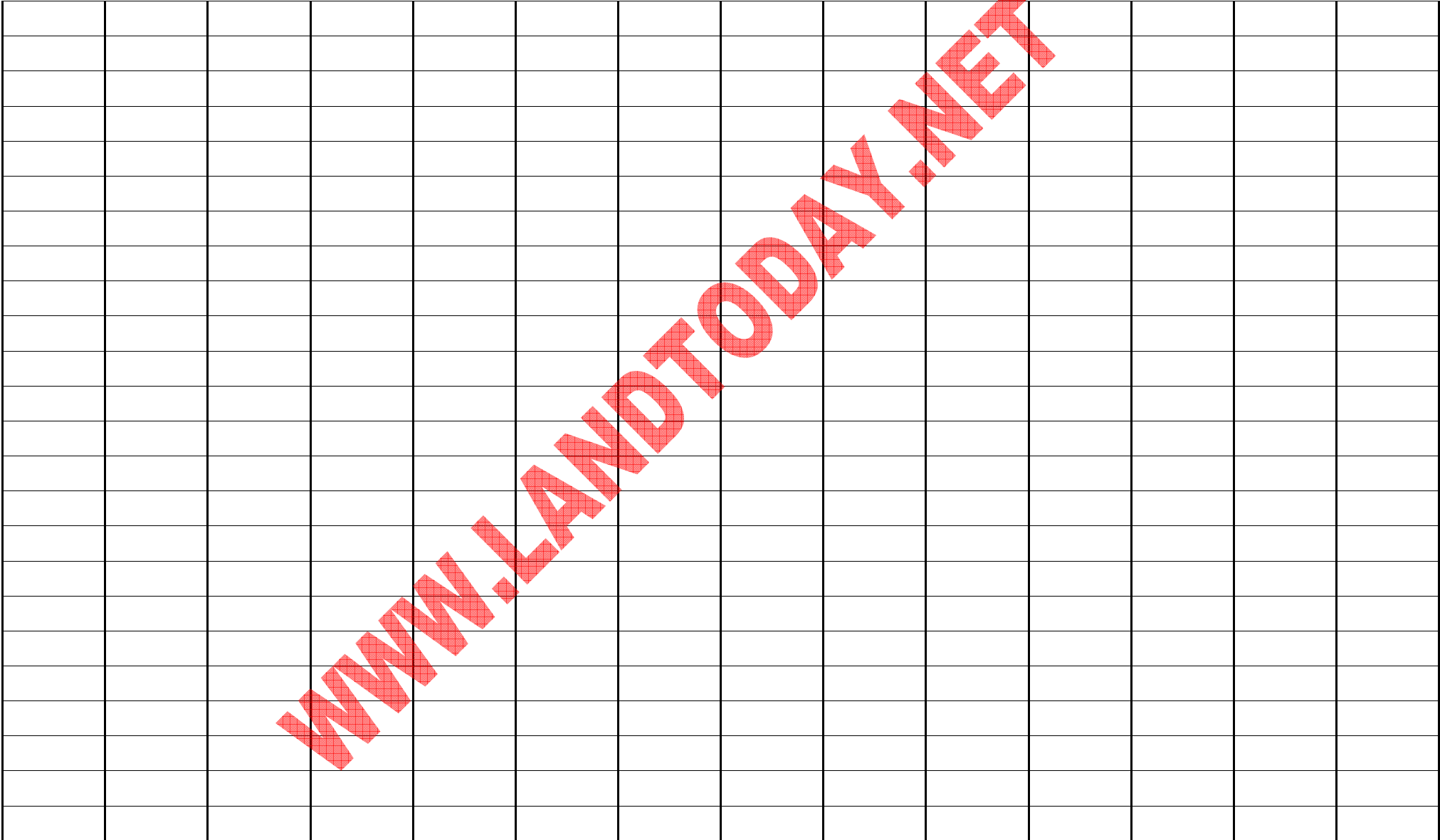
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





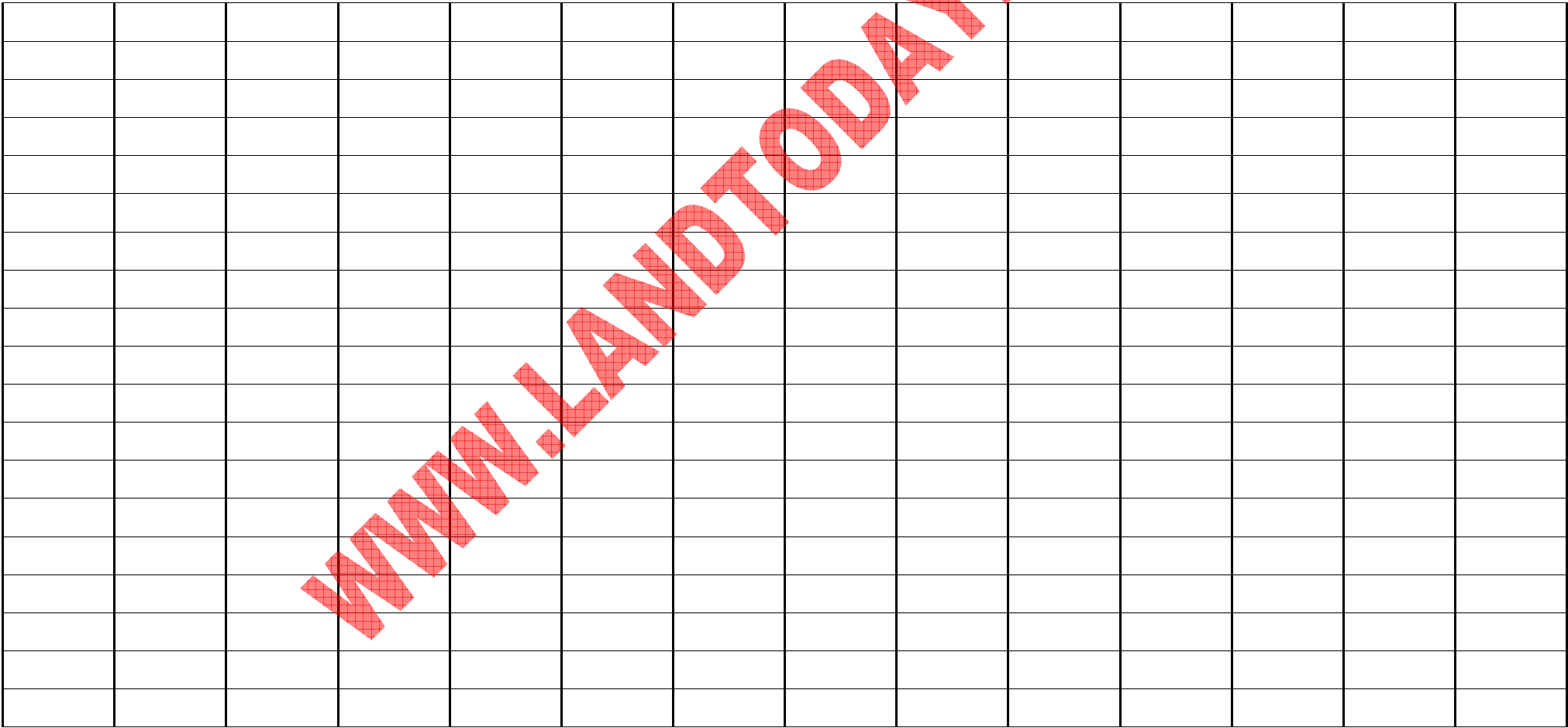


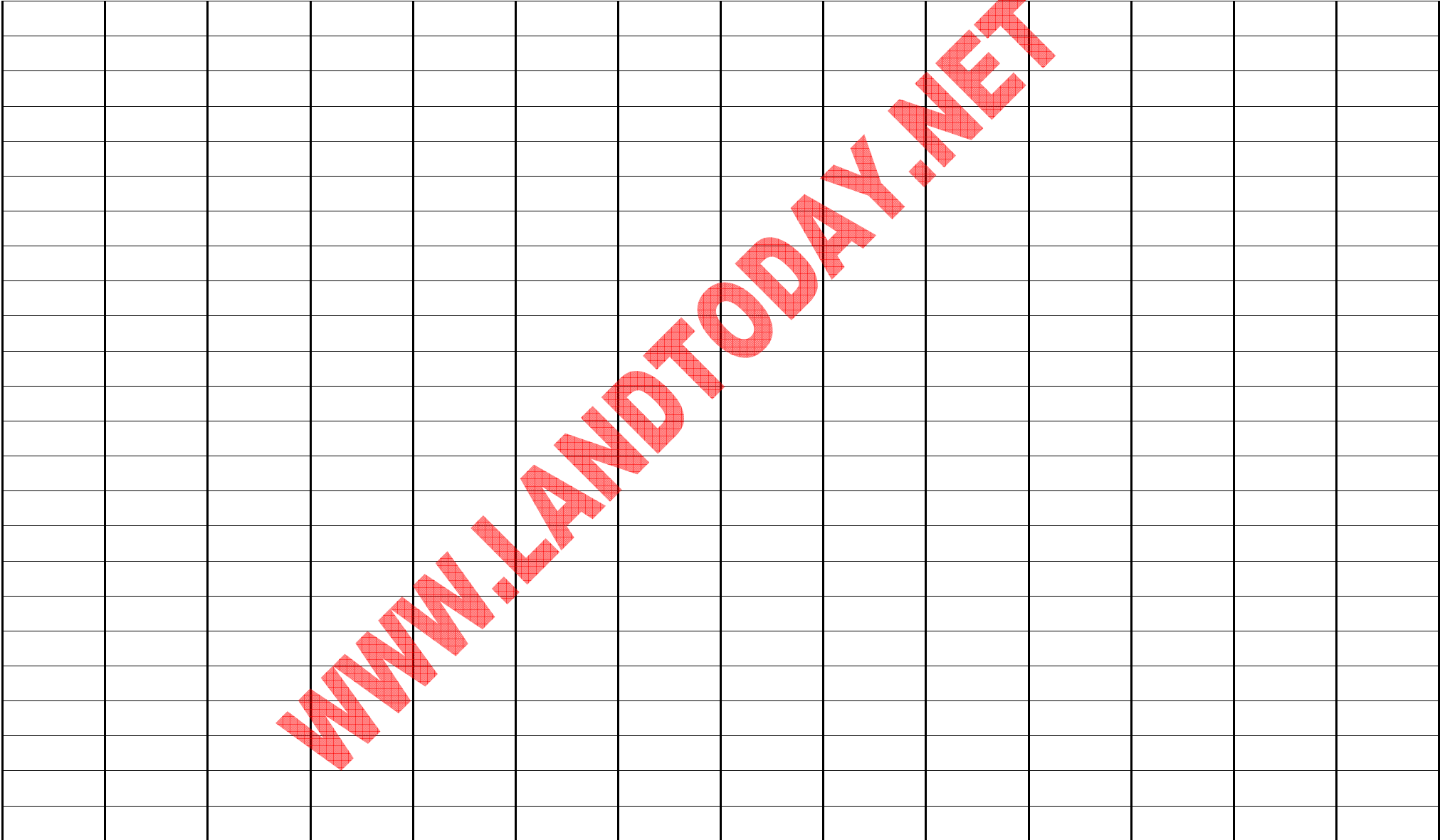
WWW.LANDTODAY.NET

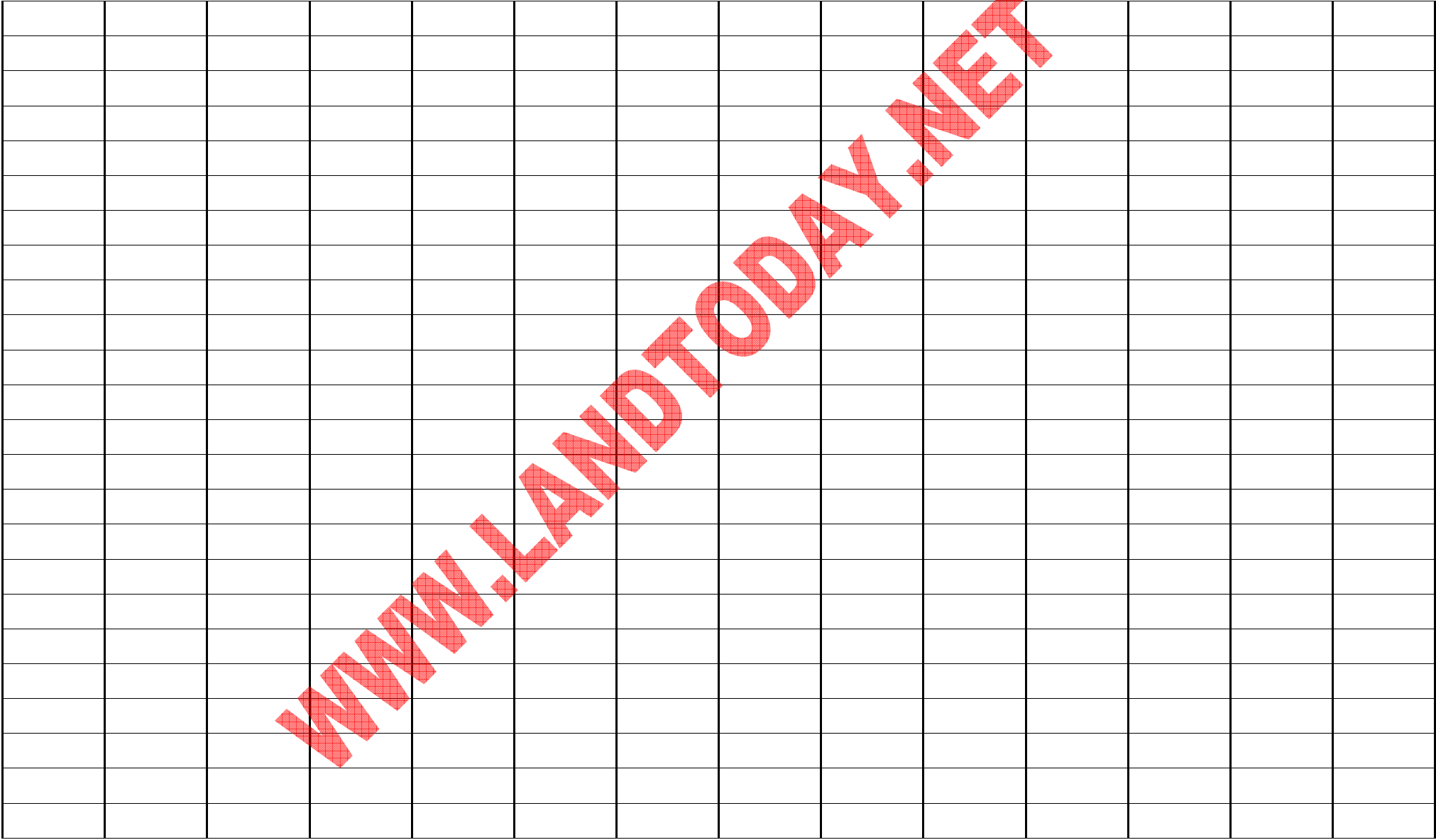
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





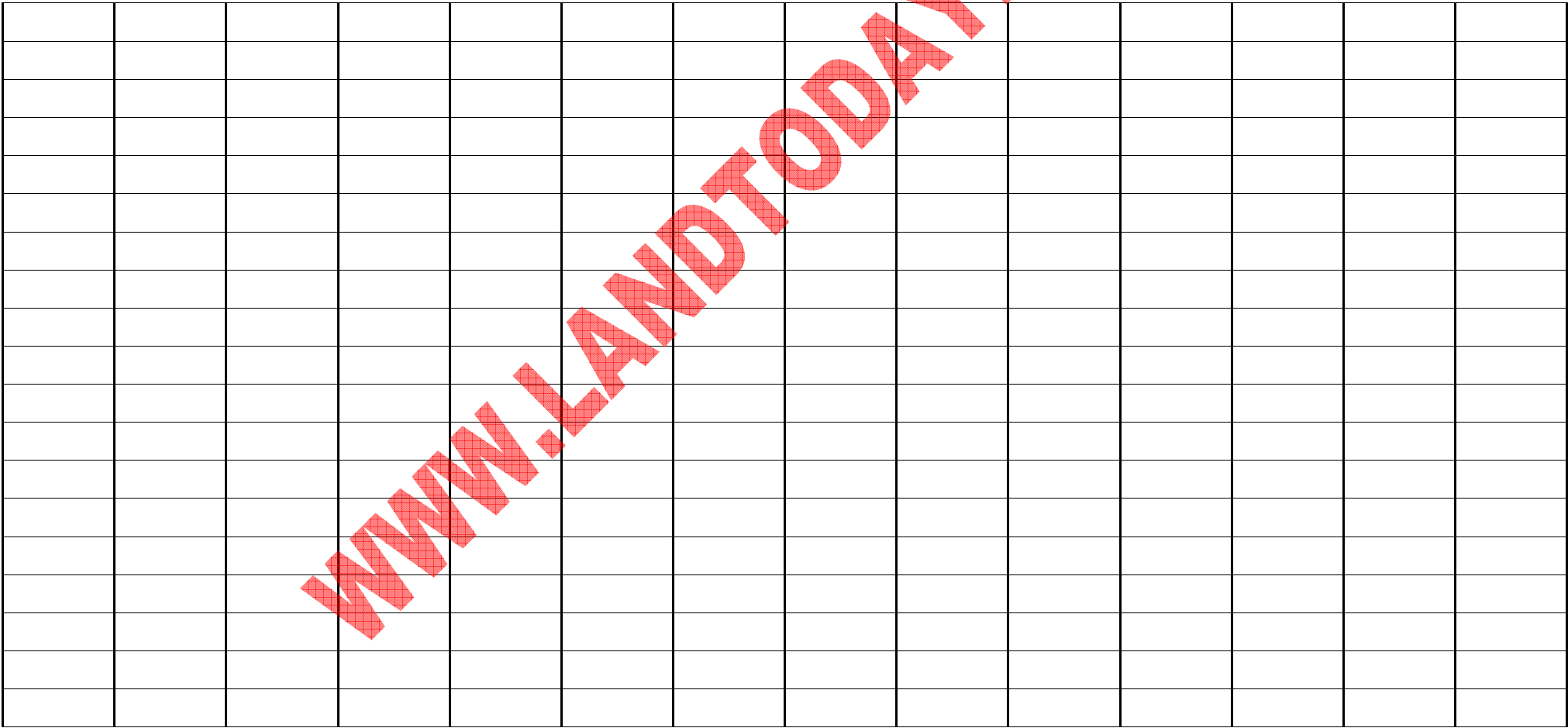


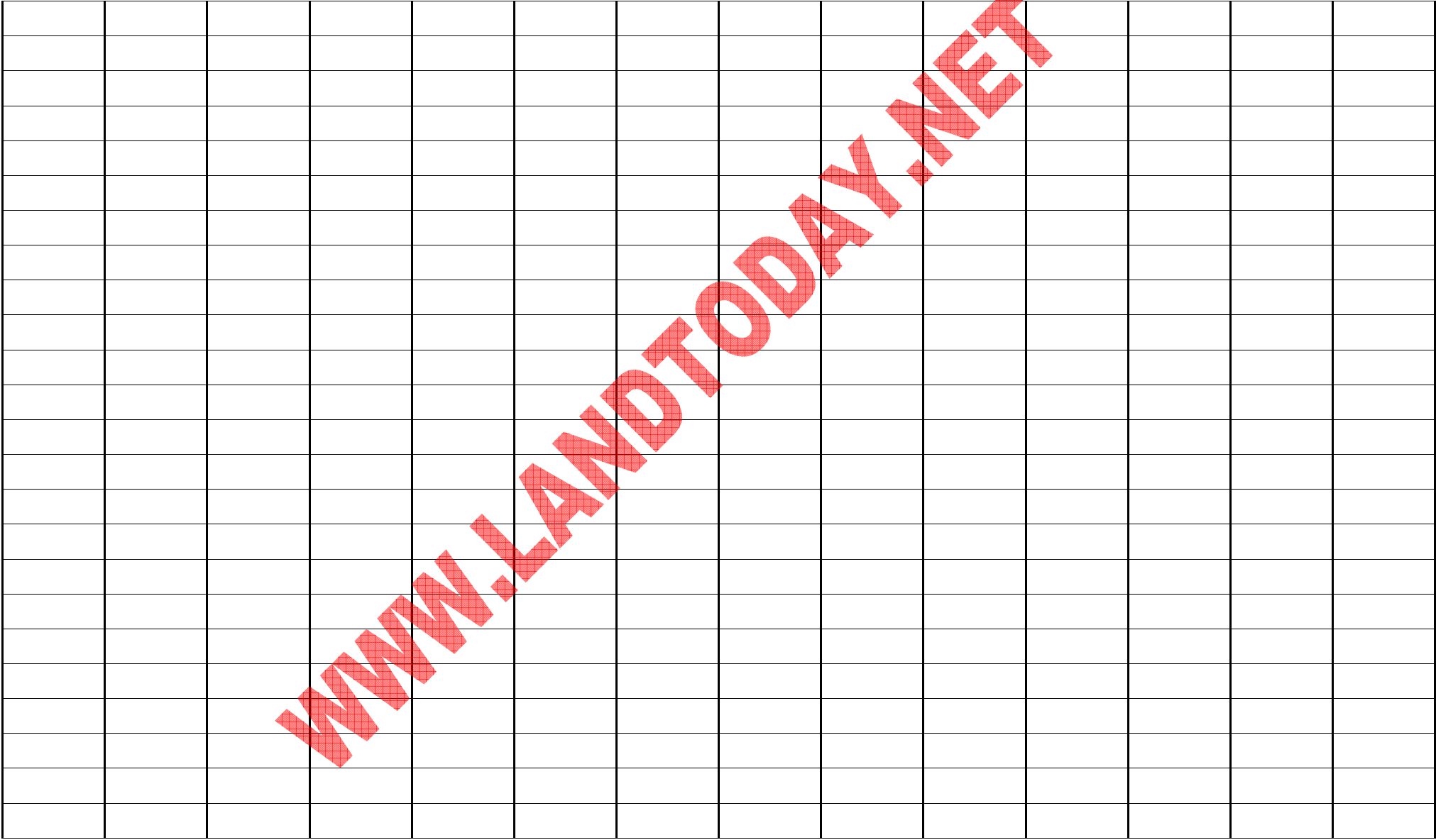
WWW.LANDTODAY.NET

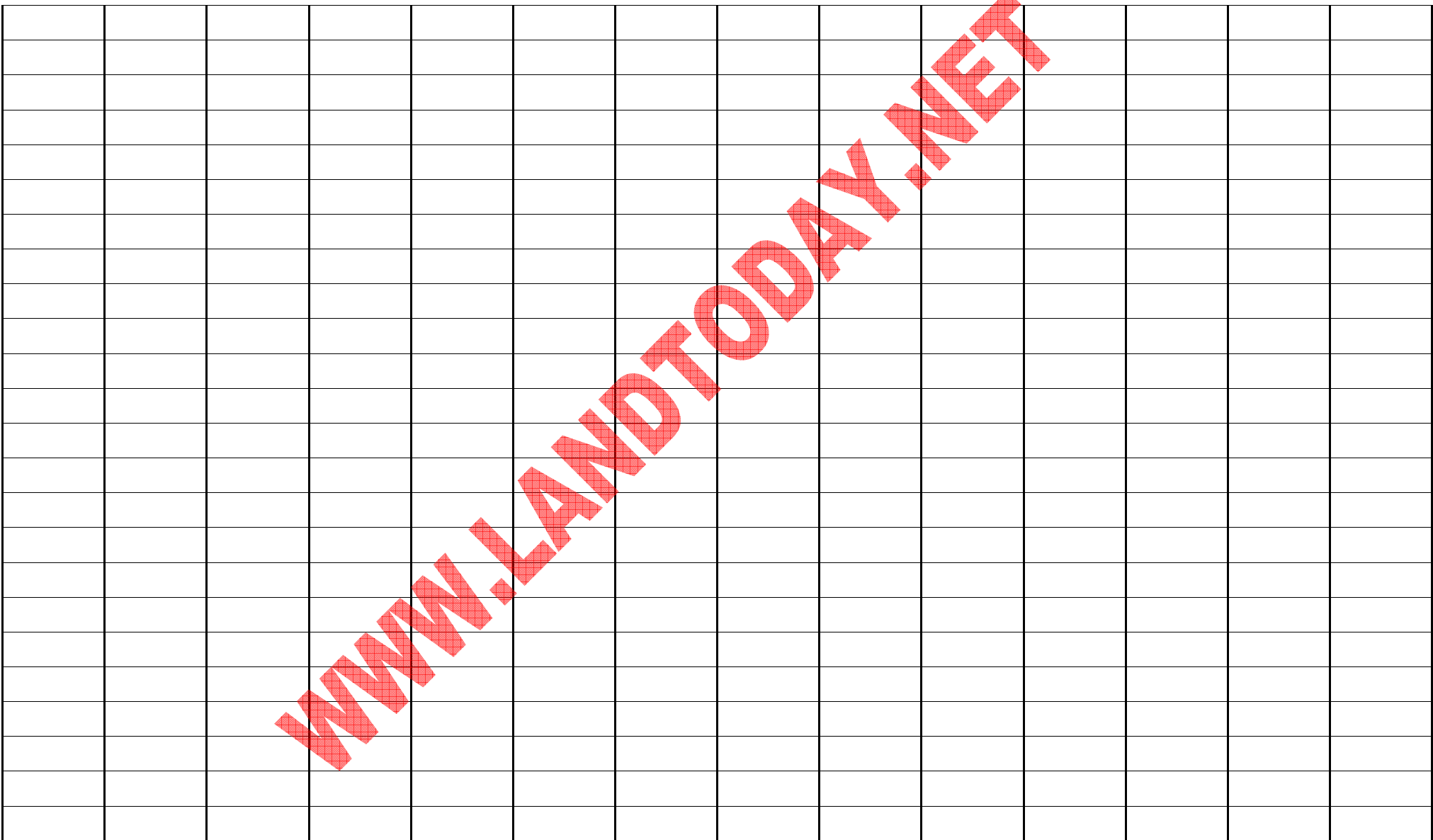
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





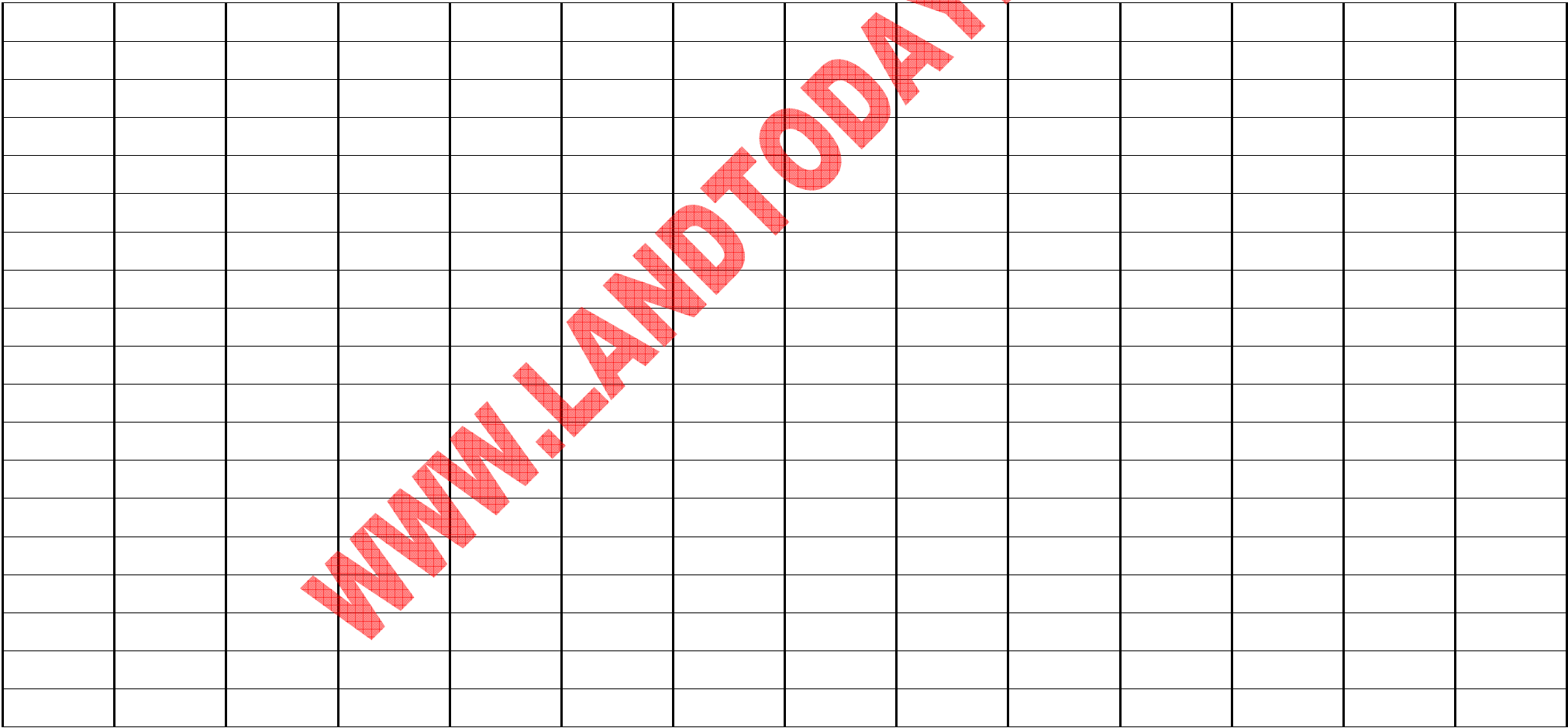


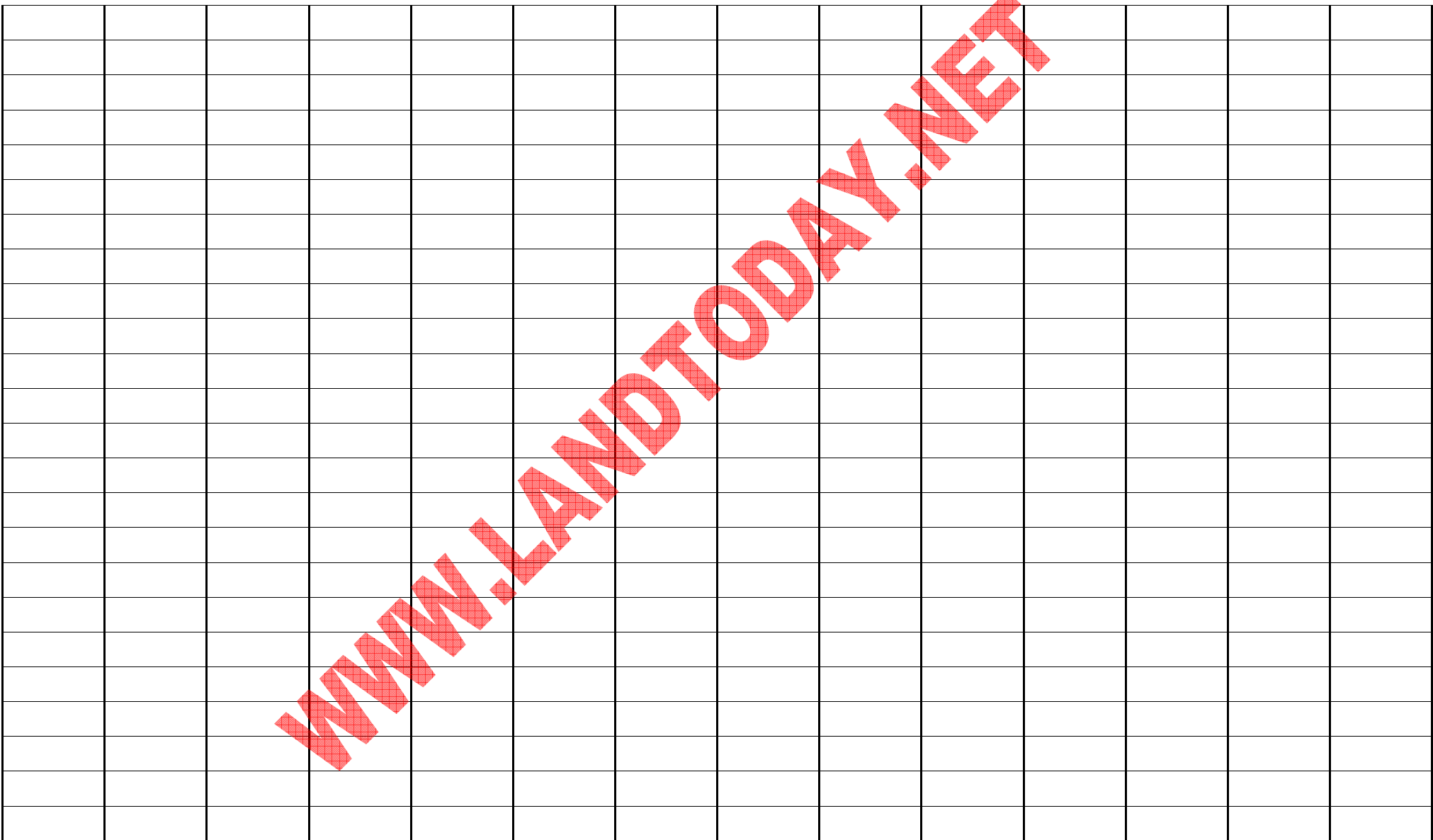
WWW.LANDTODAY.NET

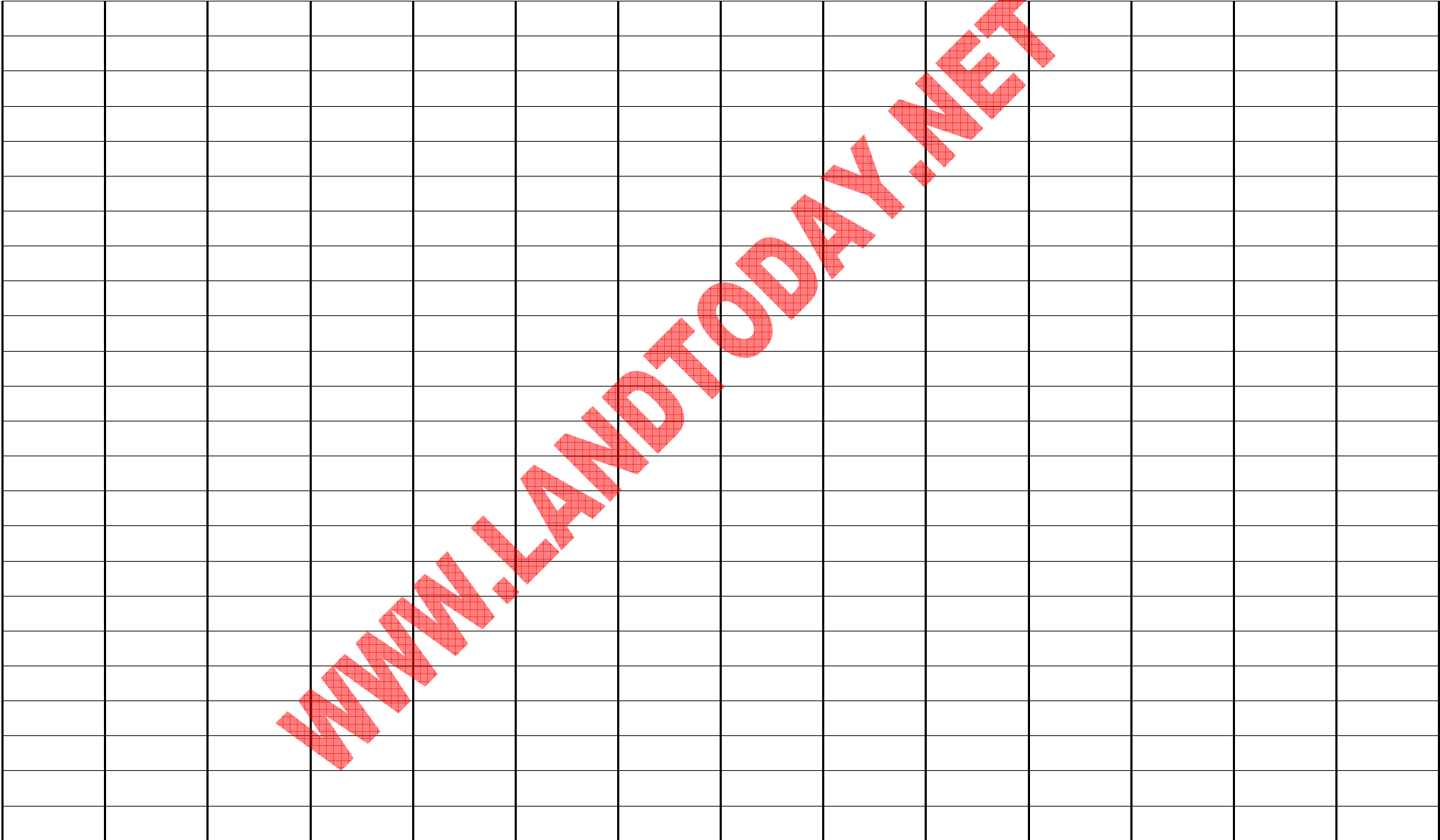
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





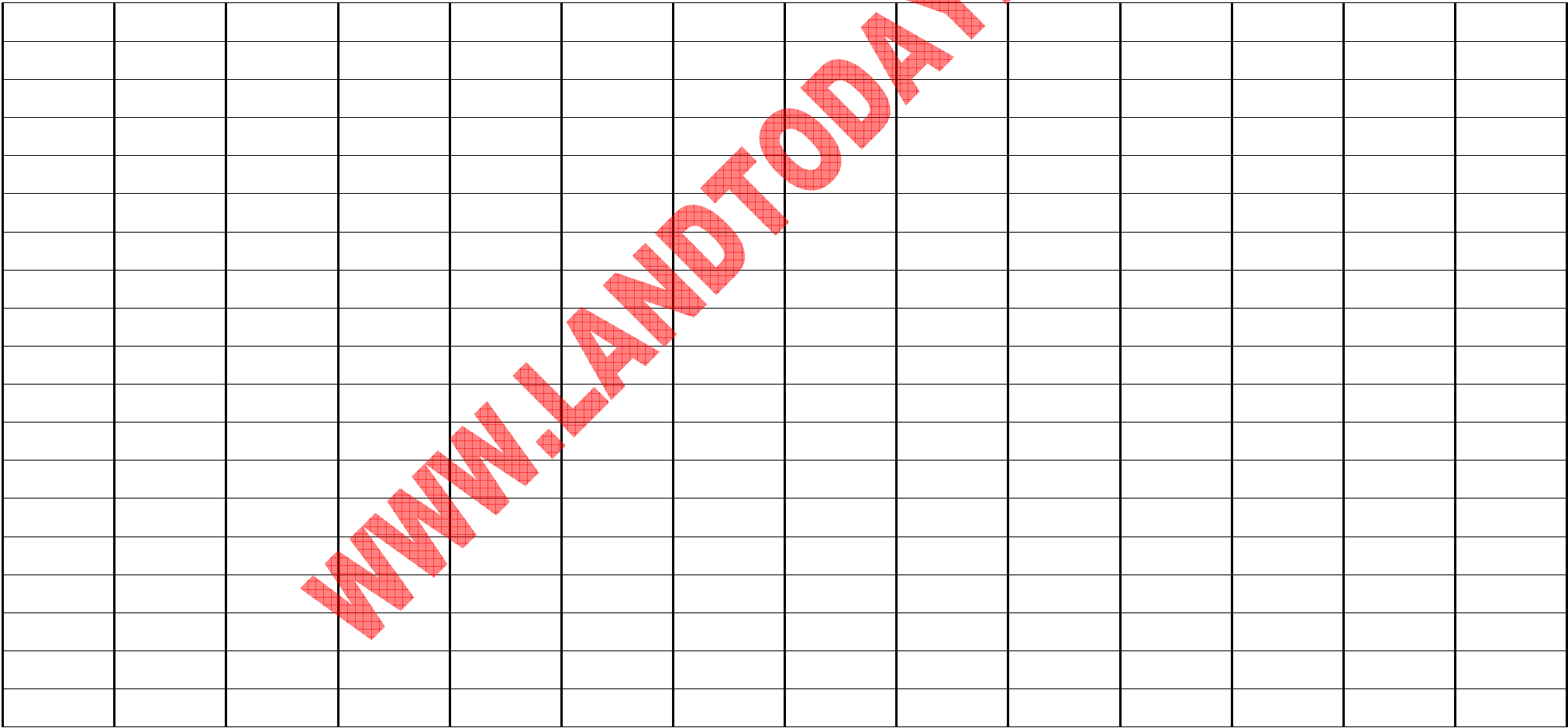


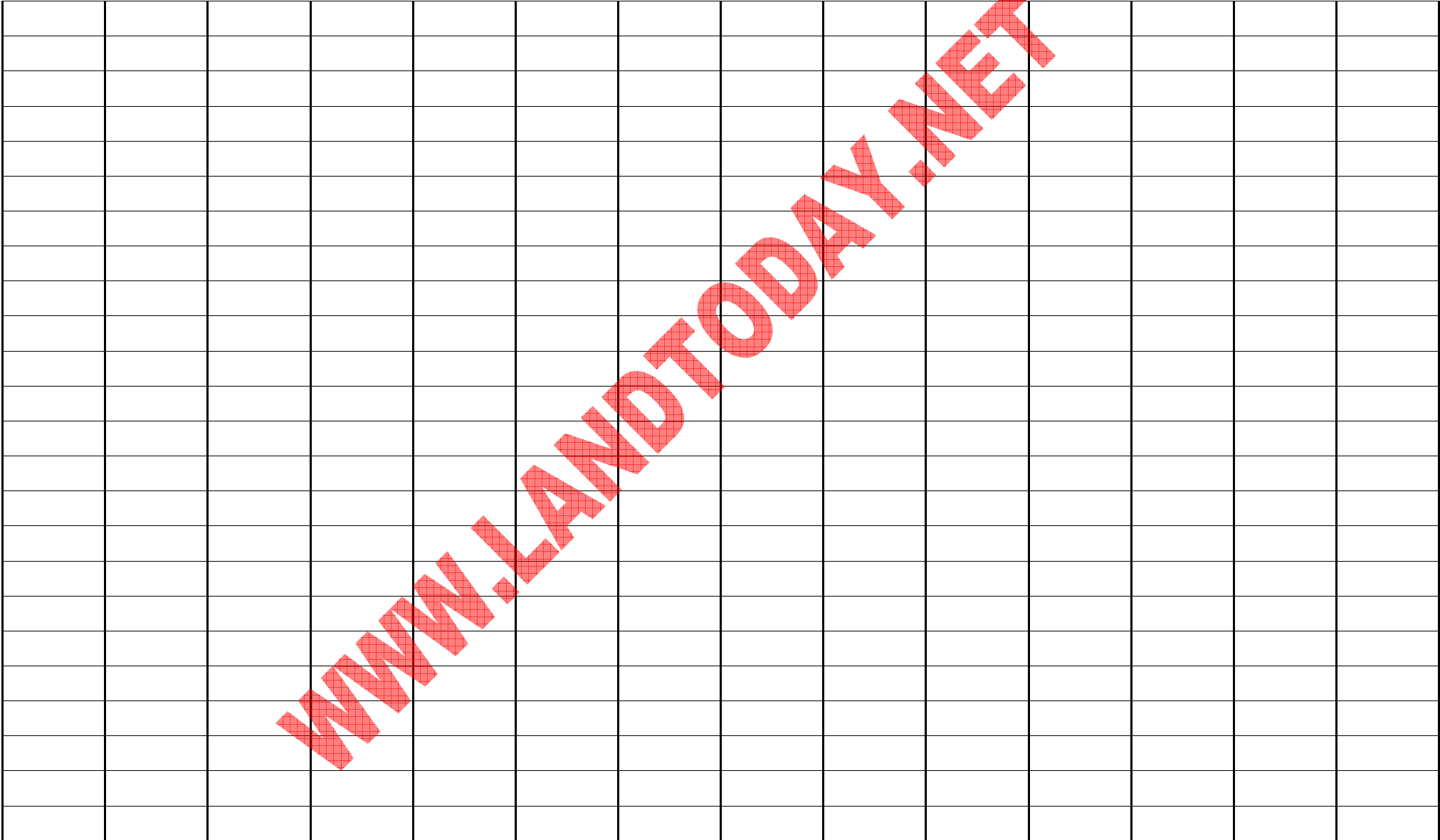
WWW.LANDTODAY.NET

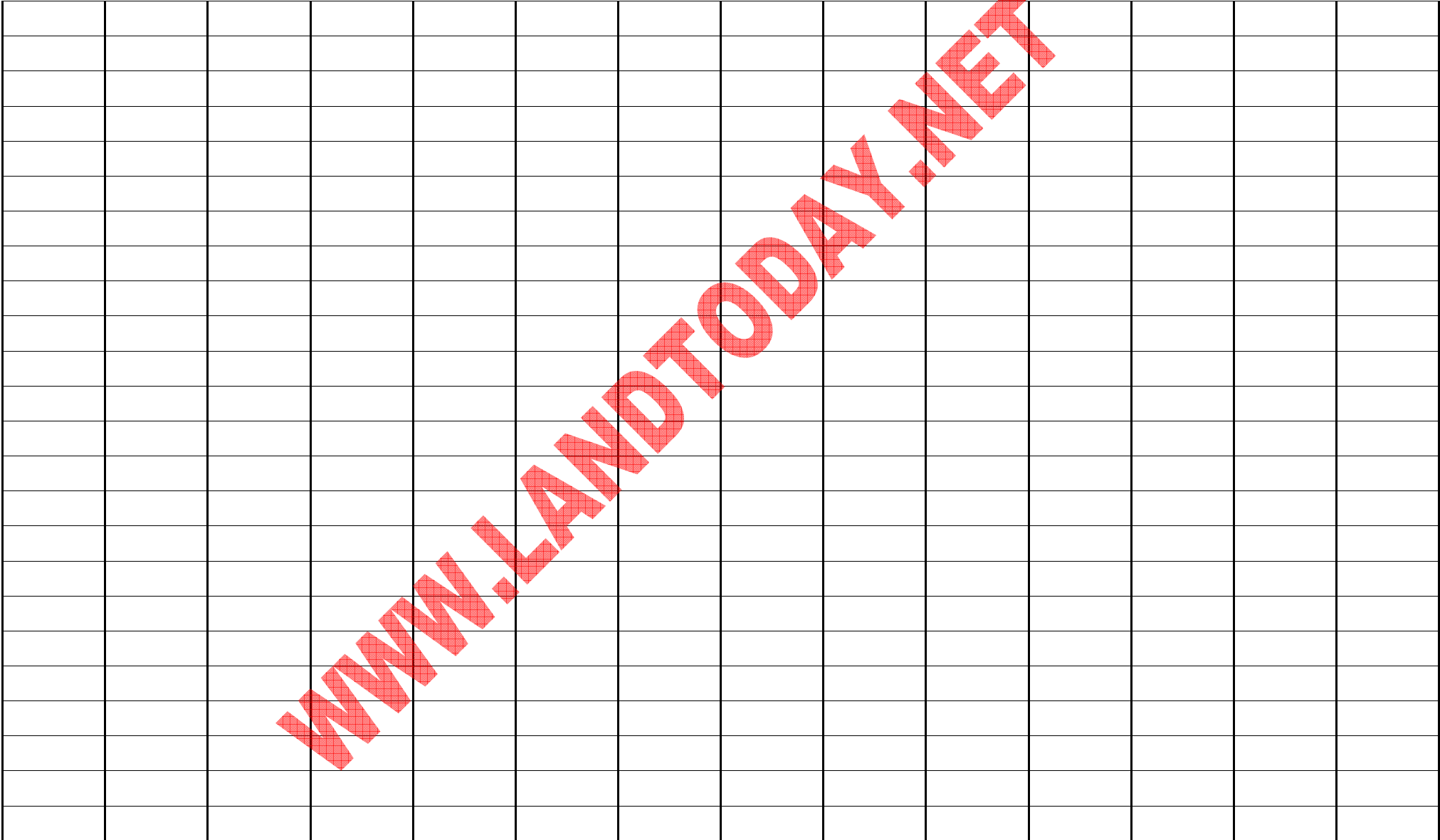
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





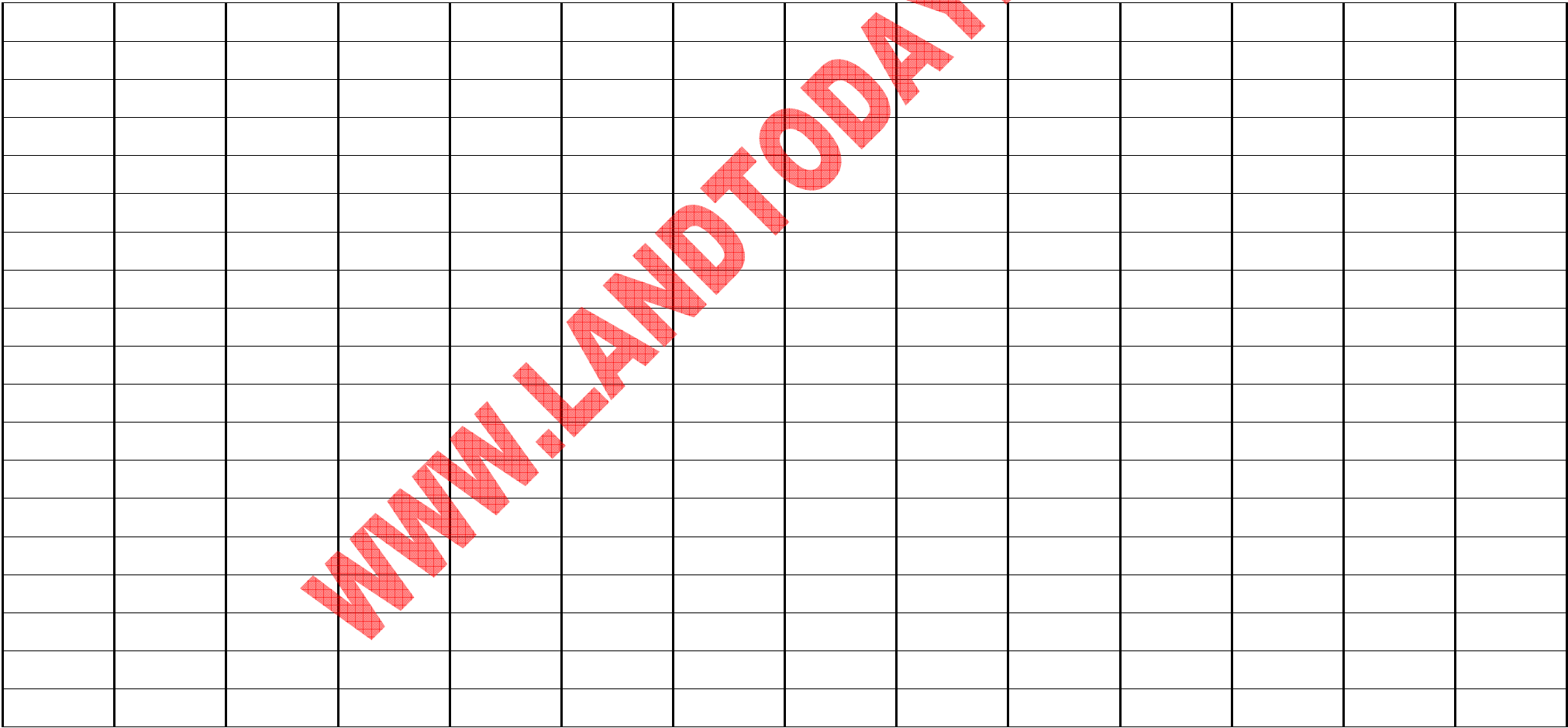


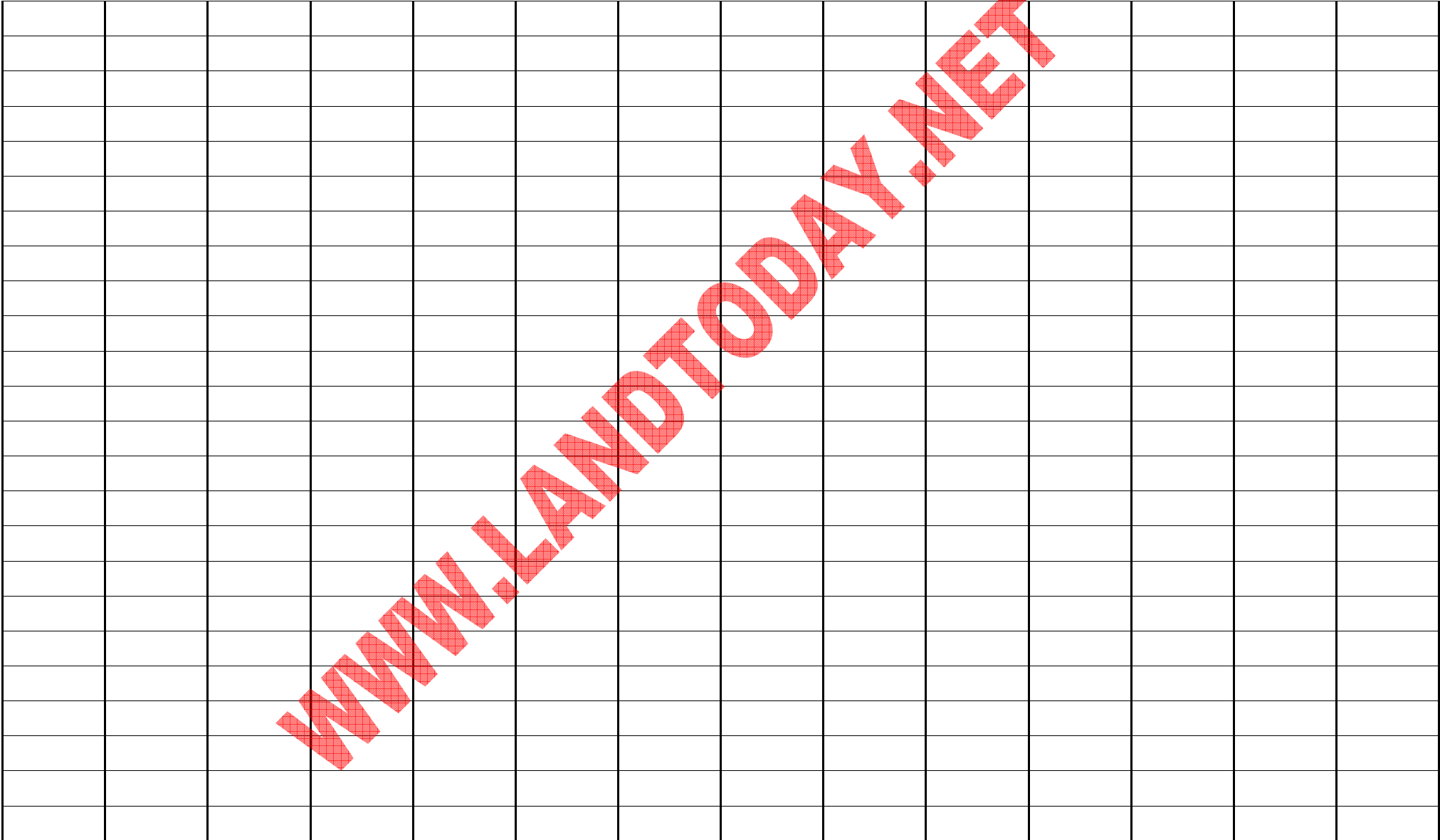
WWW.LANDTODAY.NET

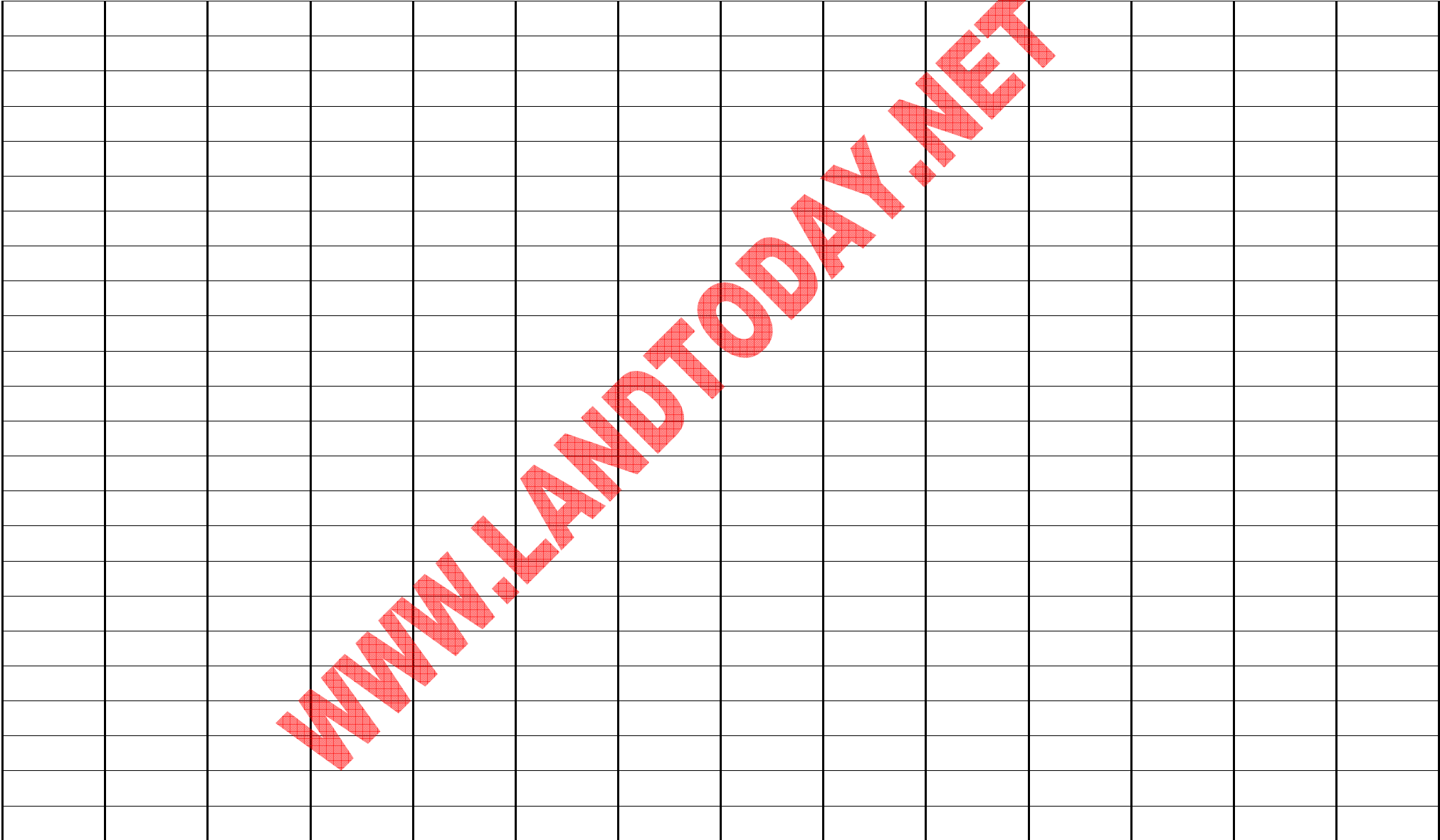
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





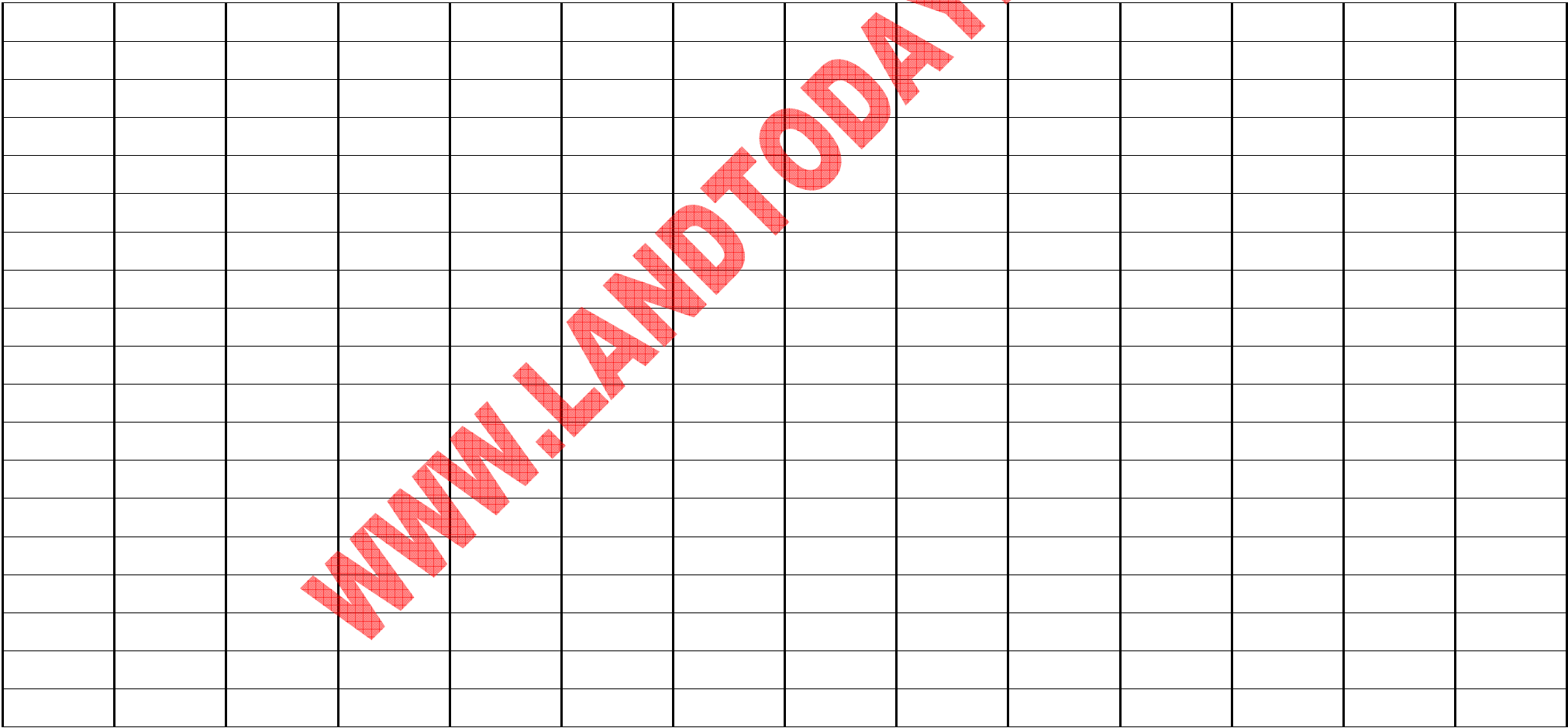


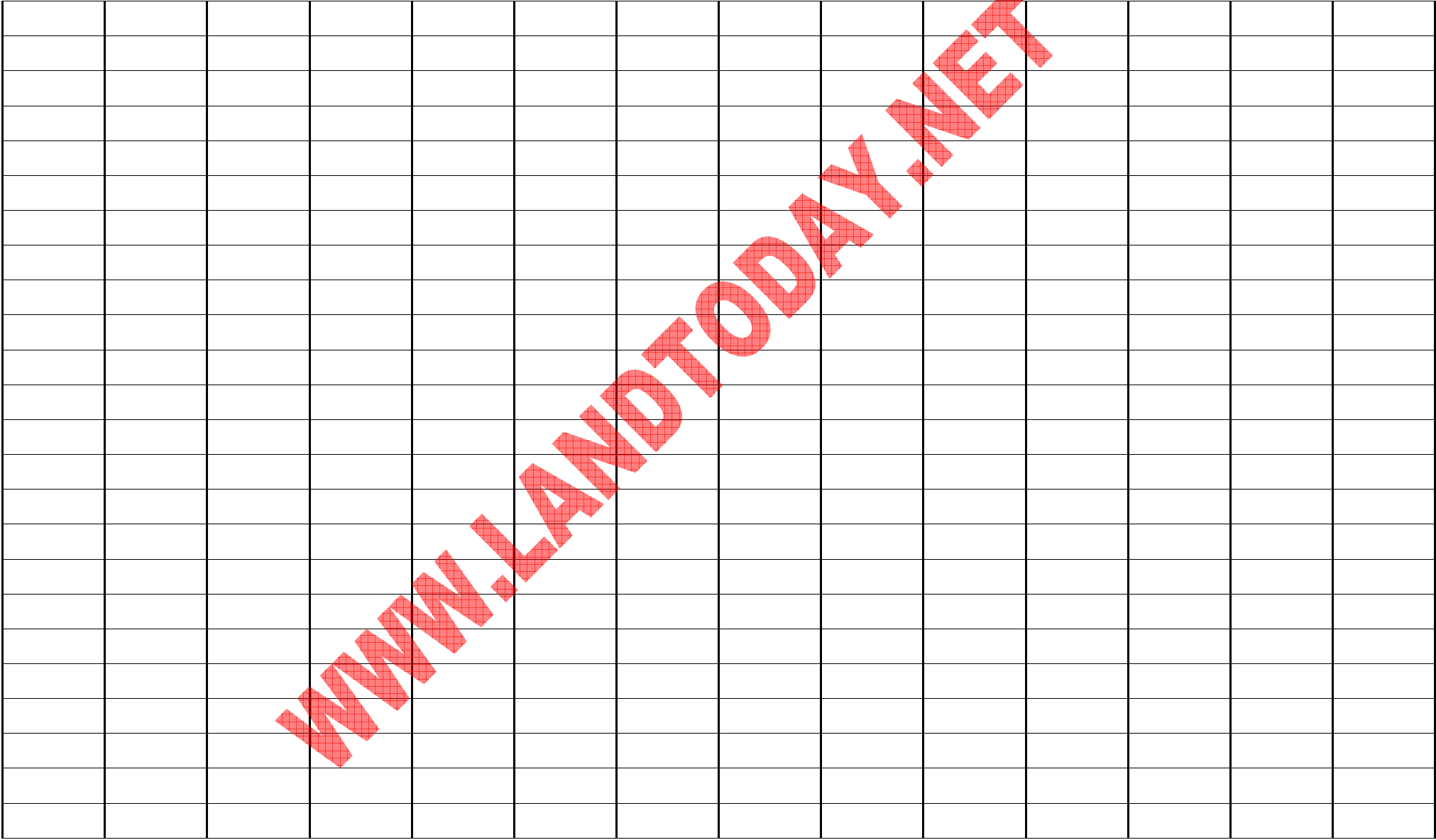
WWW.LANDTODAY.NET

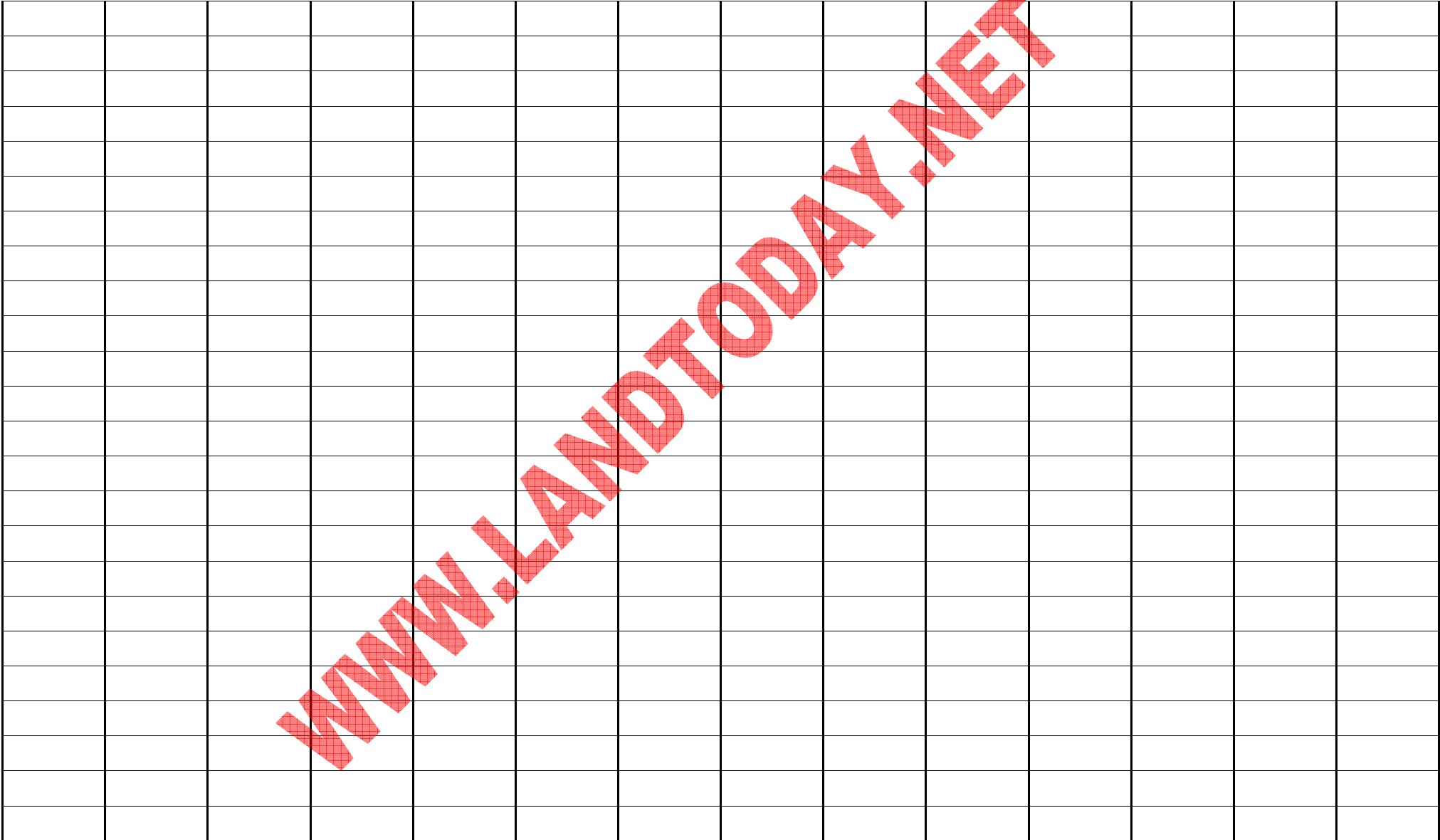
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





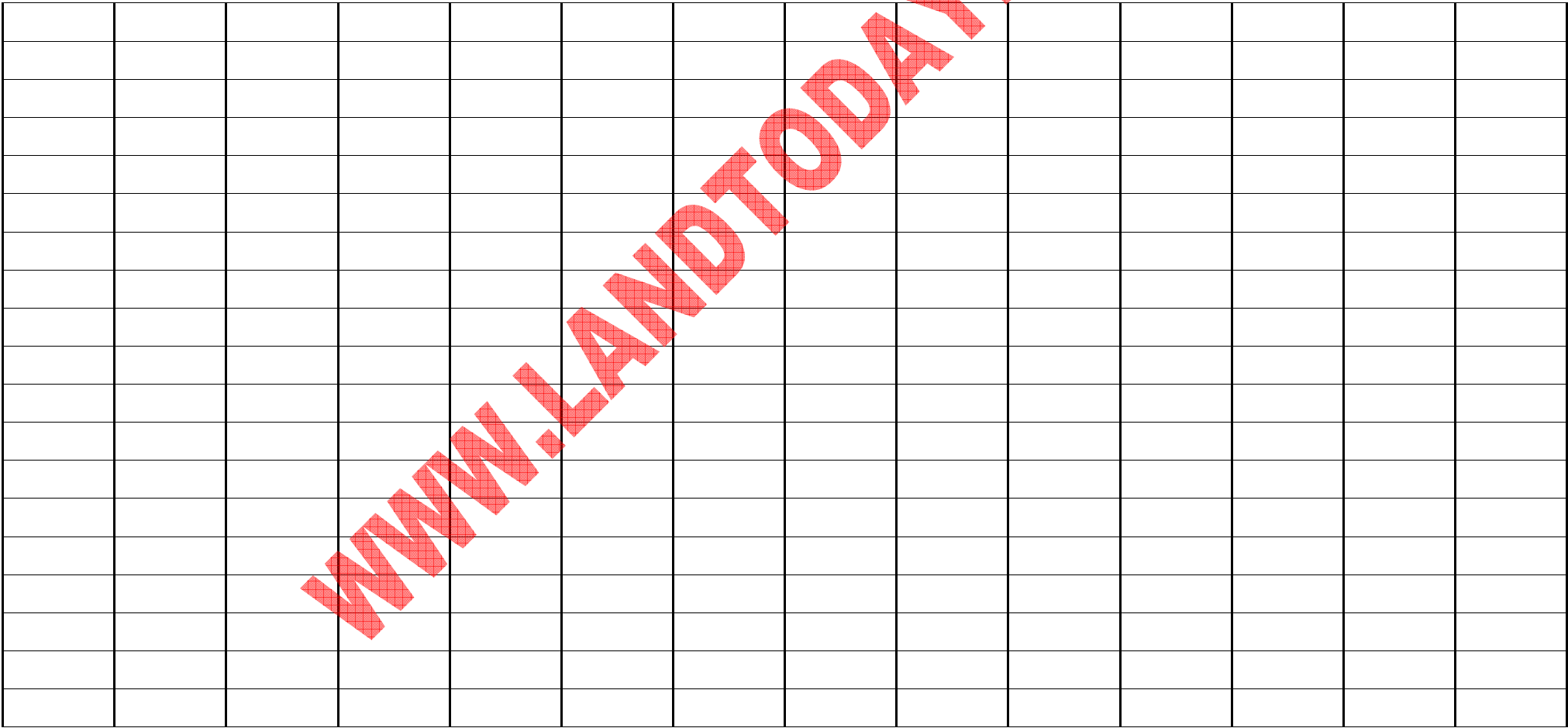


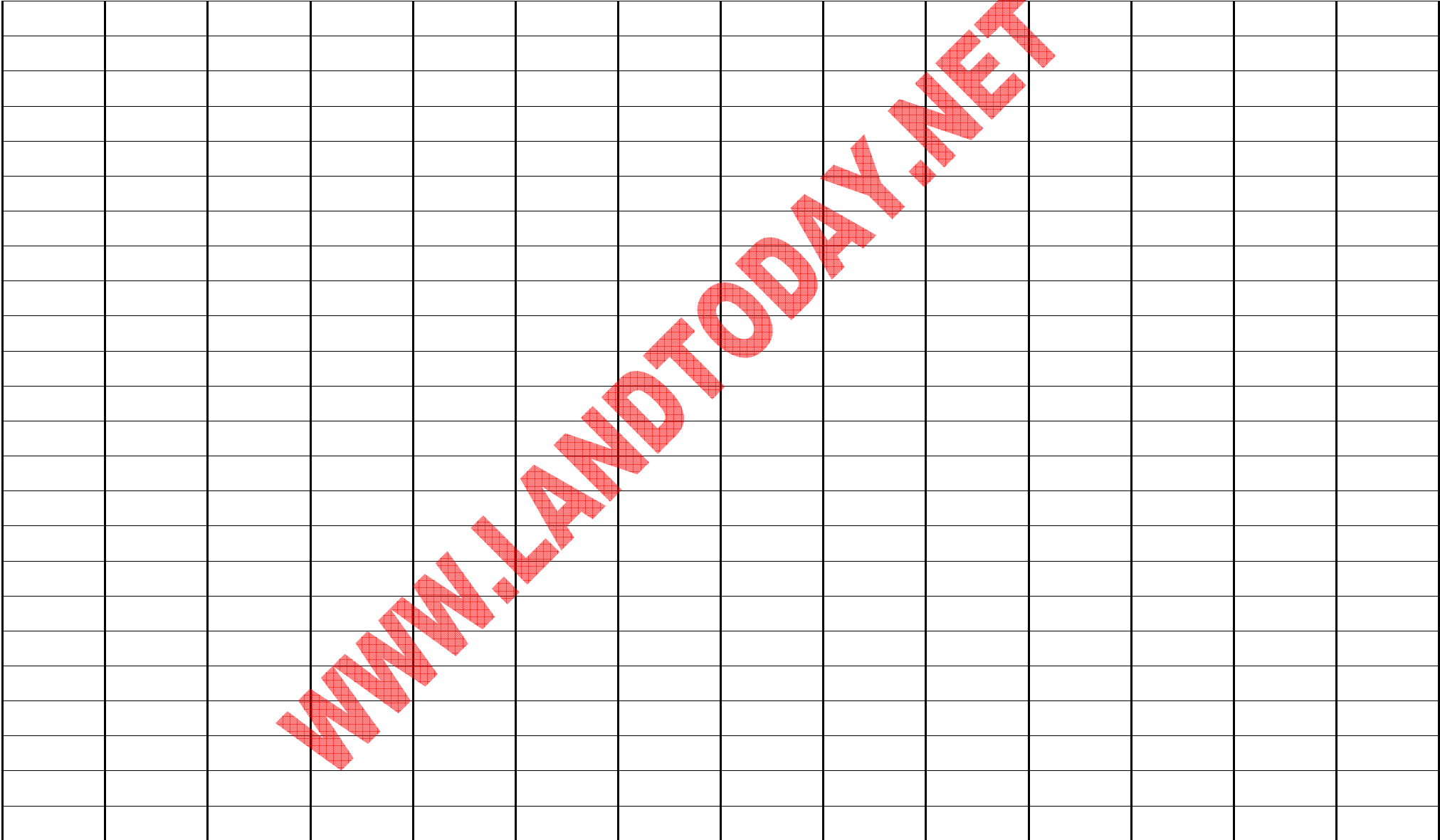
WWW.LANDTODAY.NET

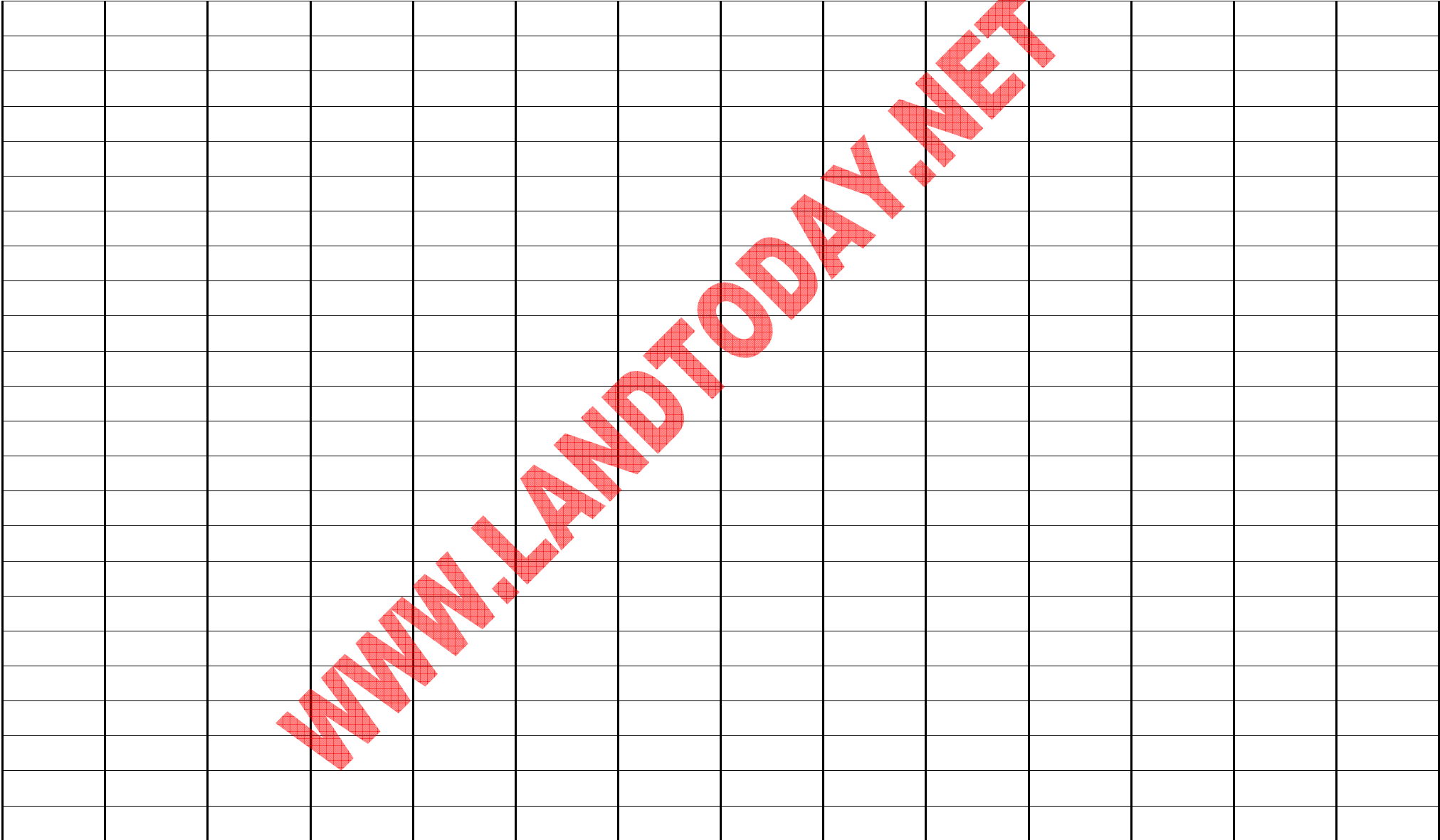
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





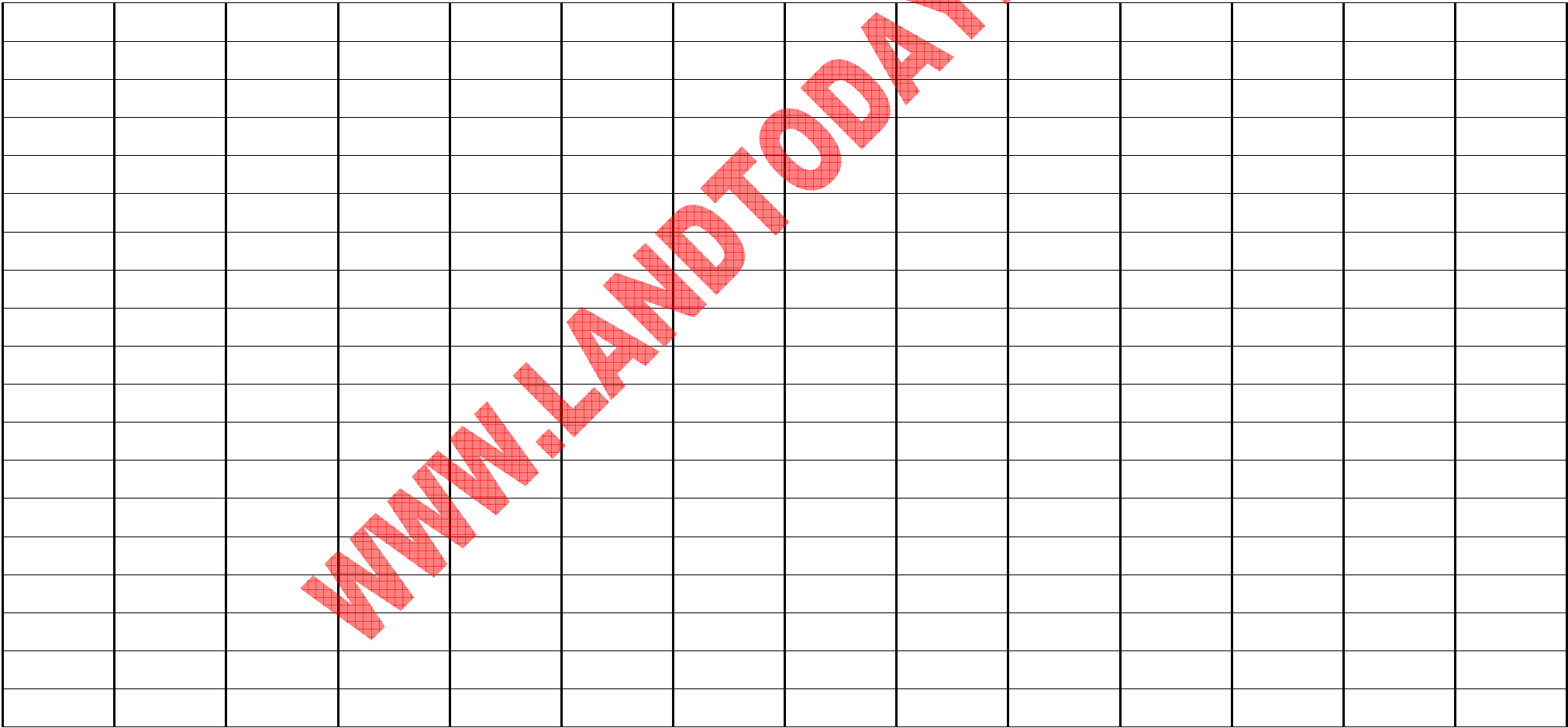


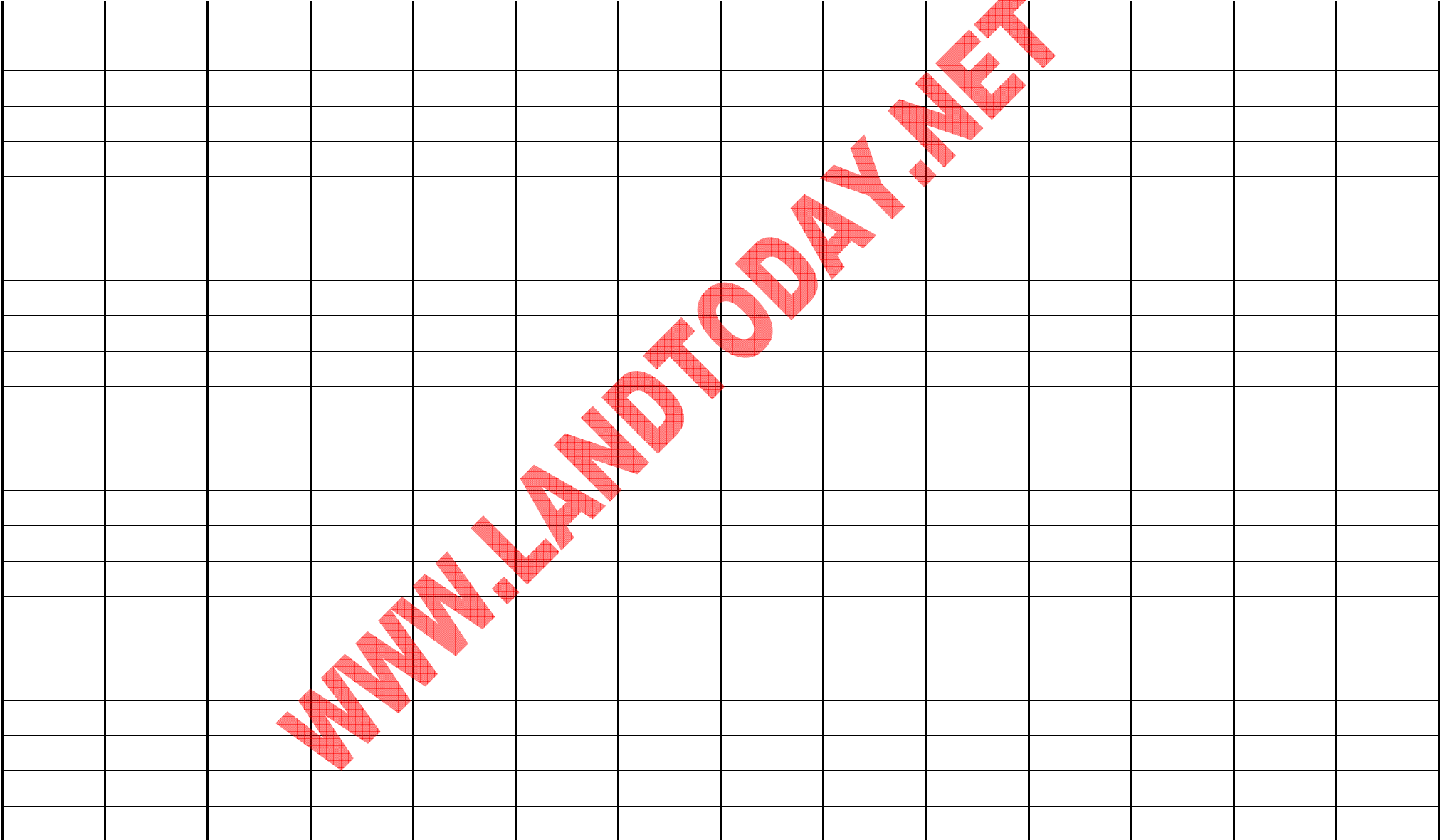
WWW.LANDTODAY.NET

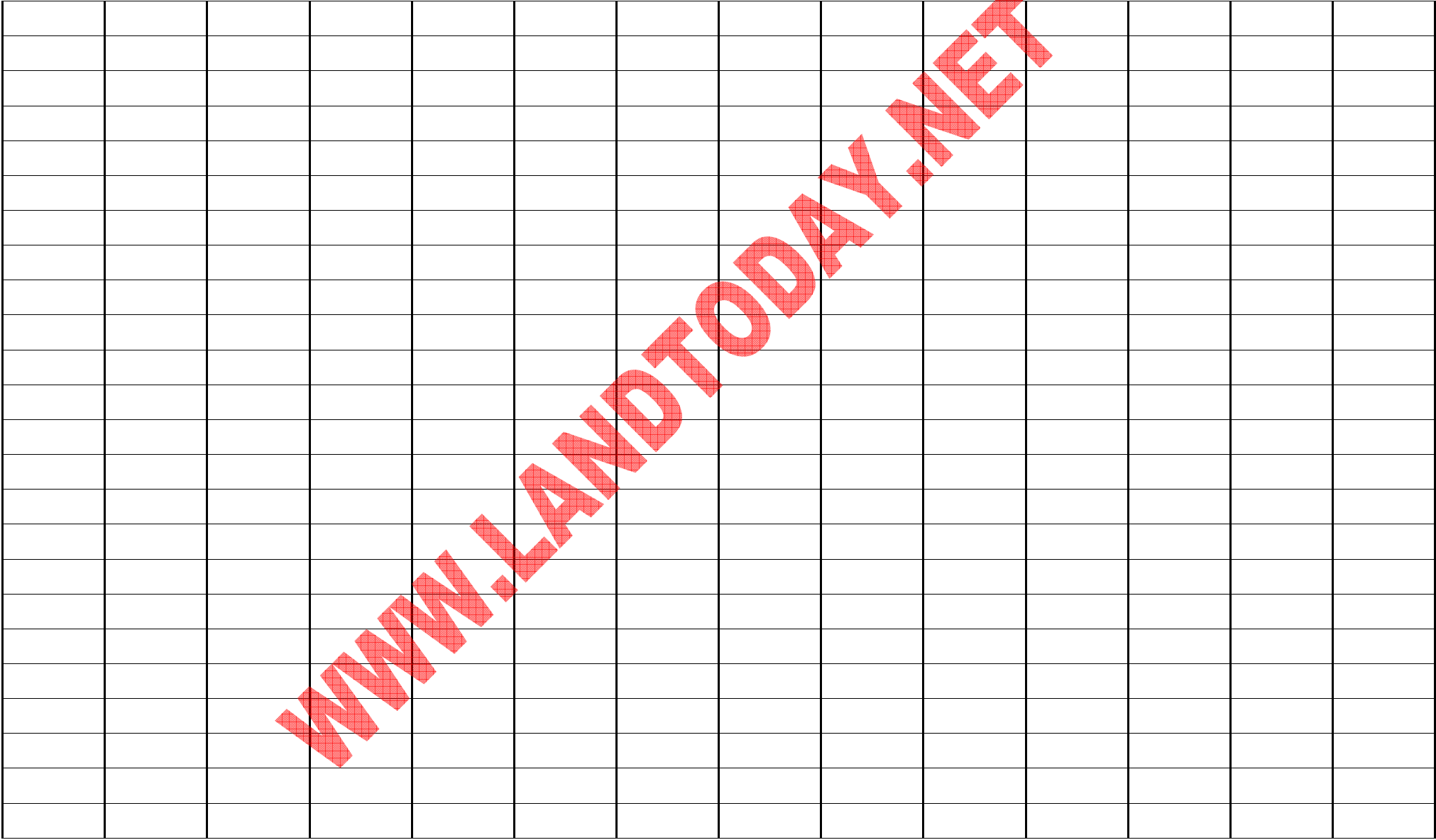
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





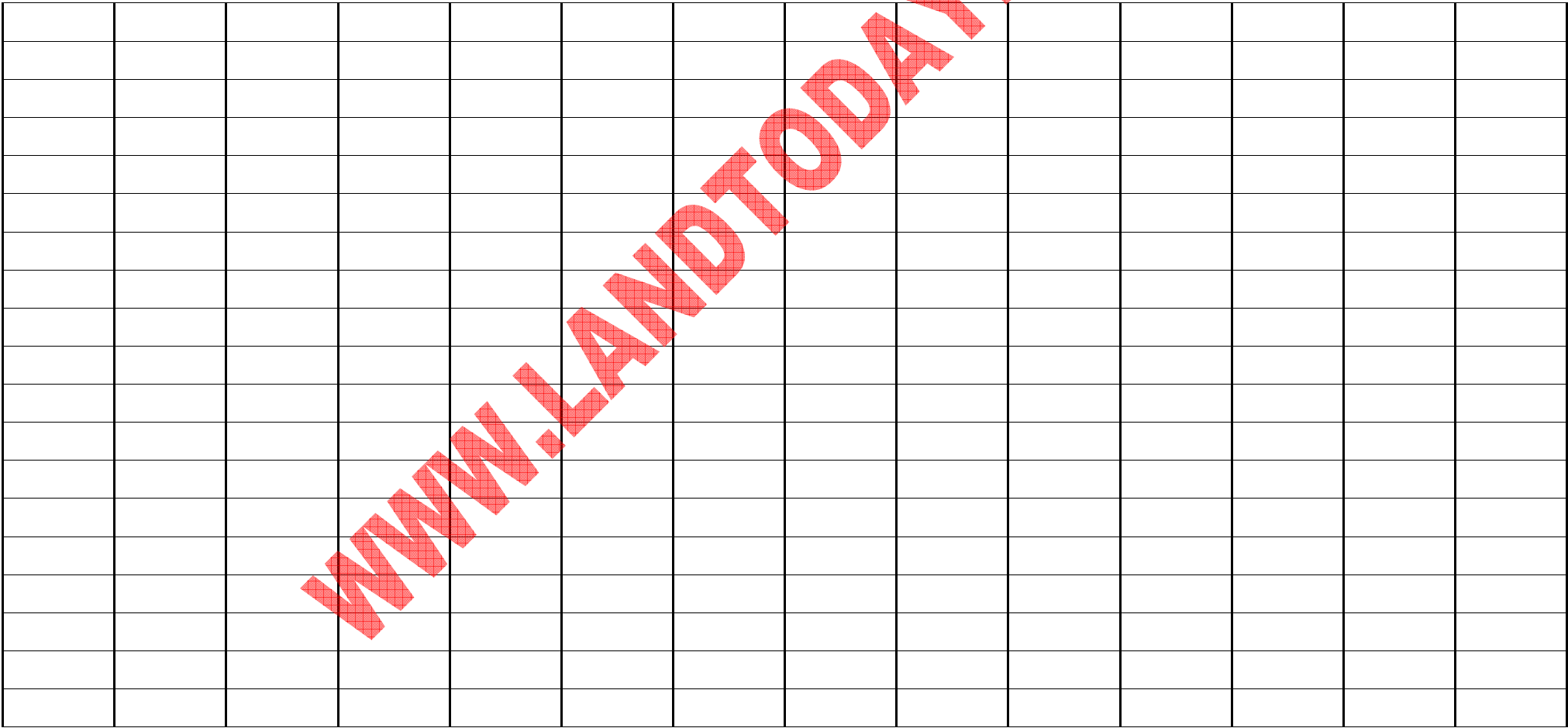


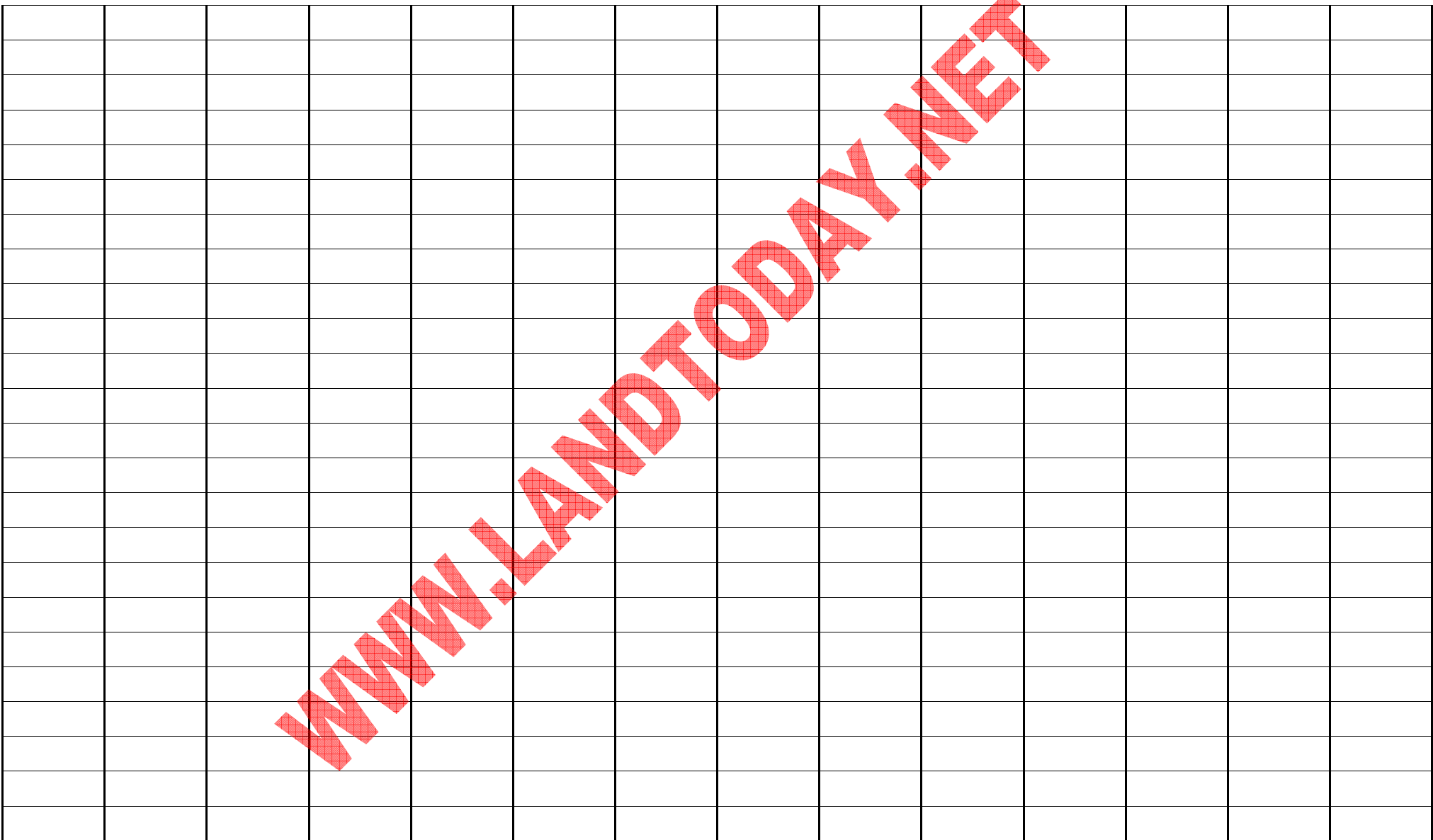
WWW.LANDTODAY.NET

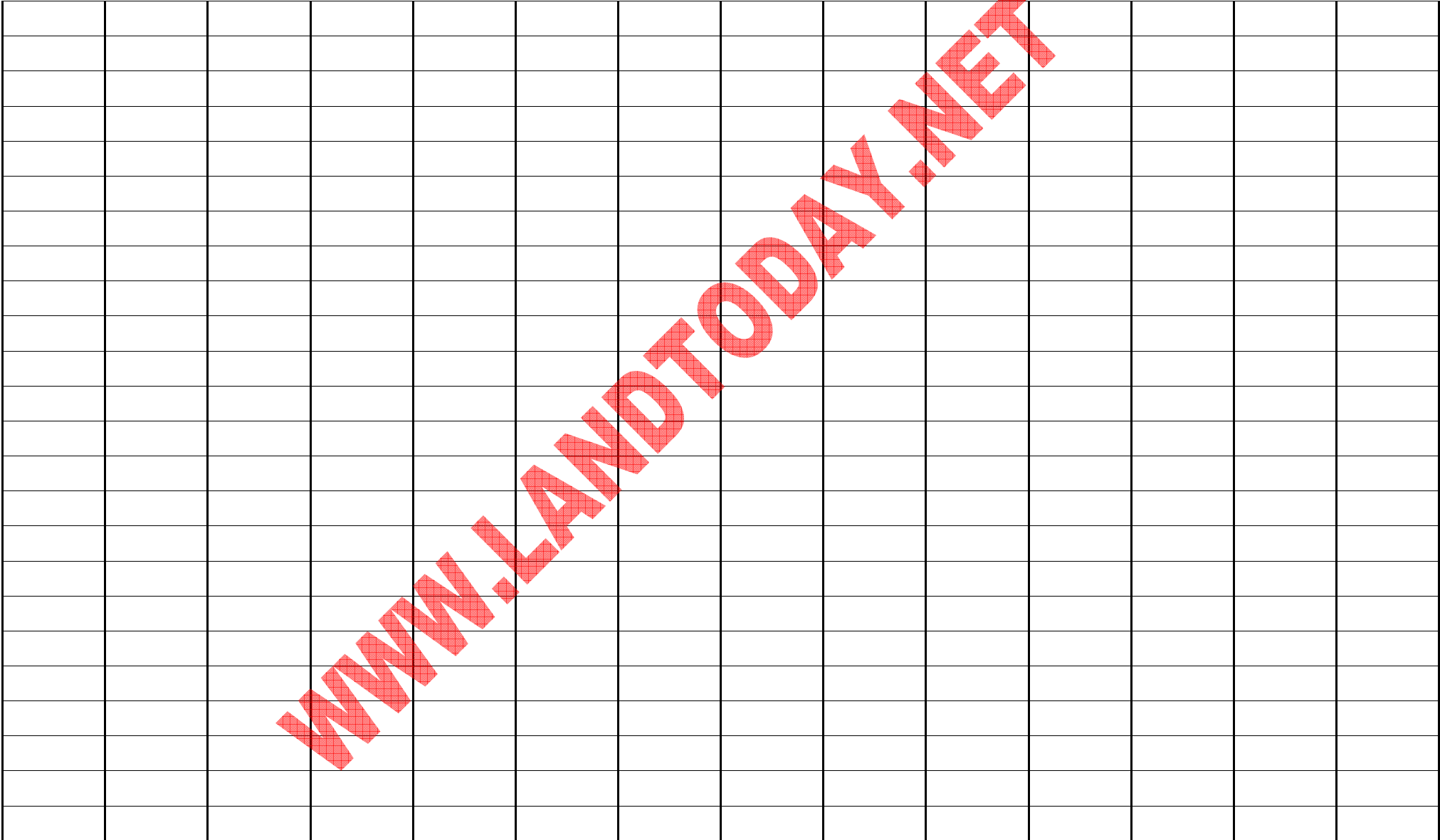
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





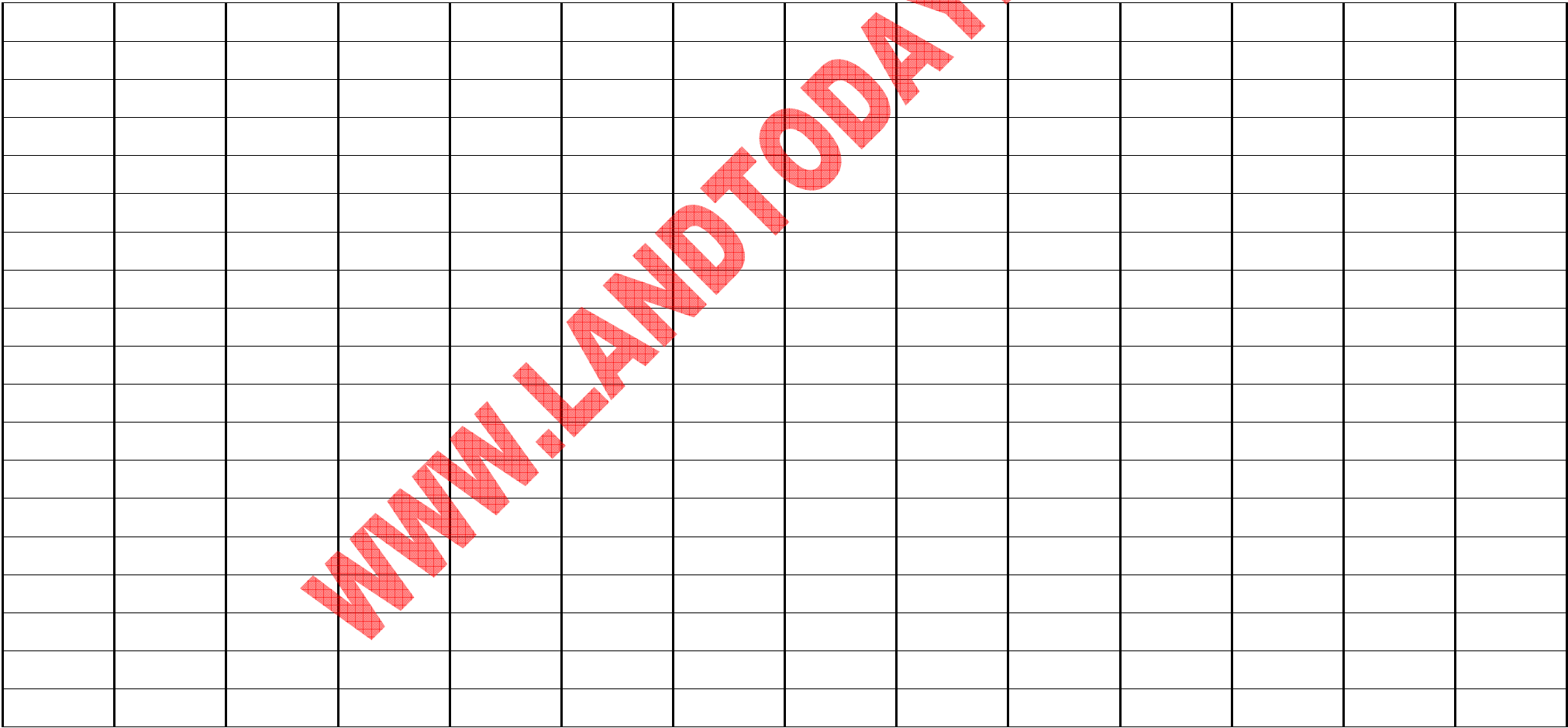


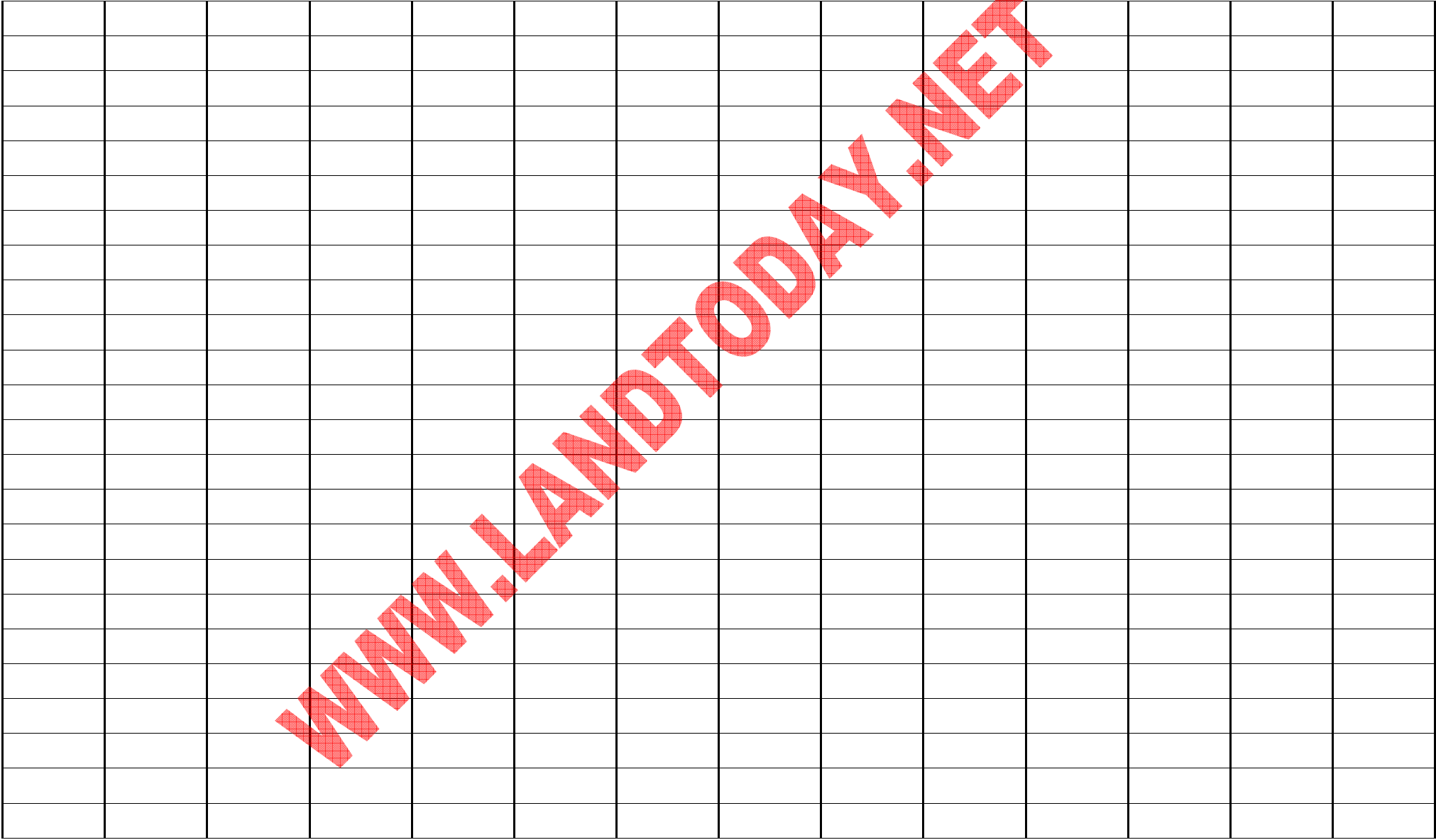
WWW.LANDTODAY.NET

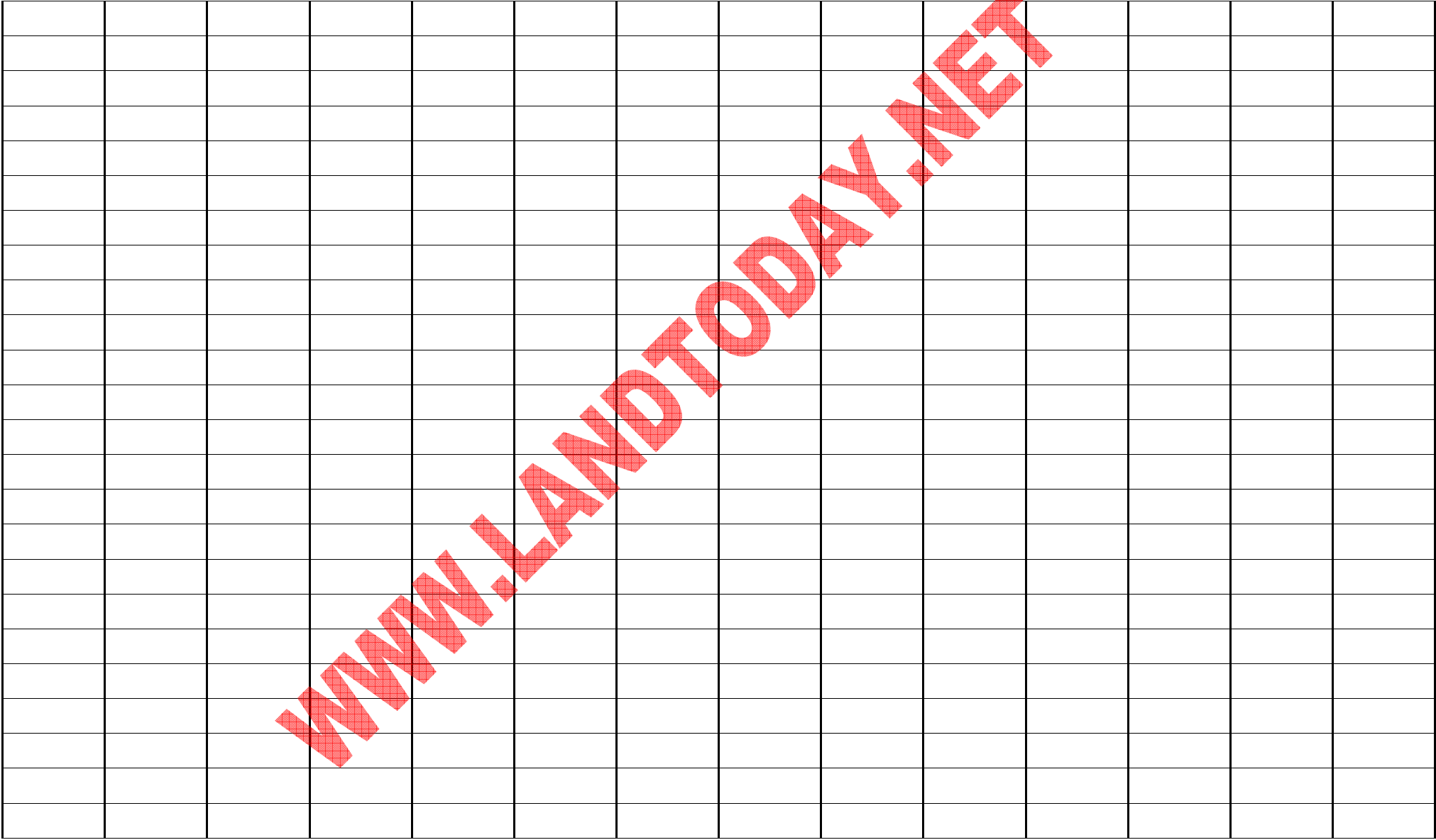
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





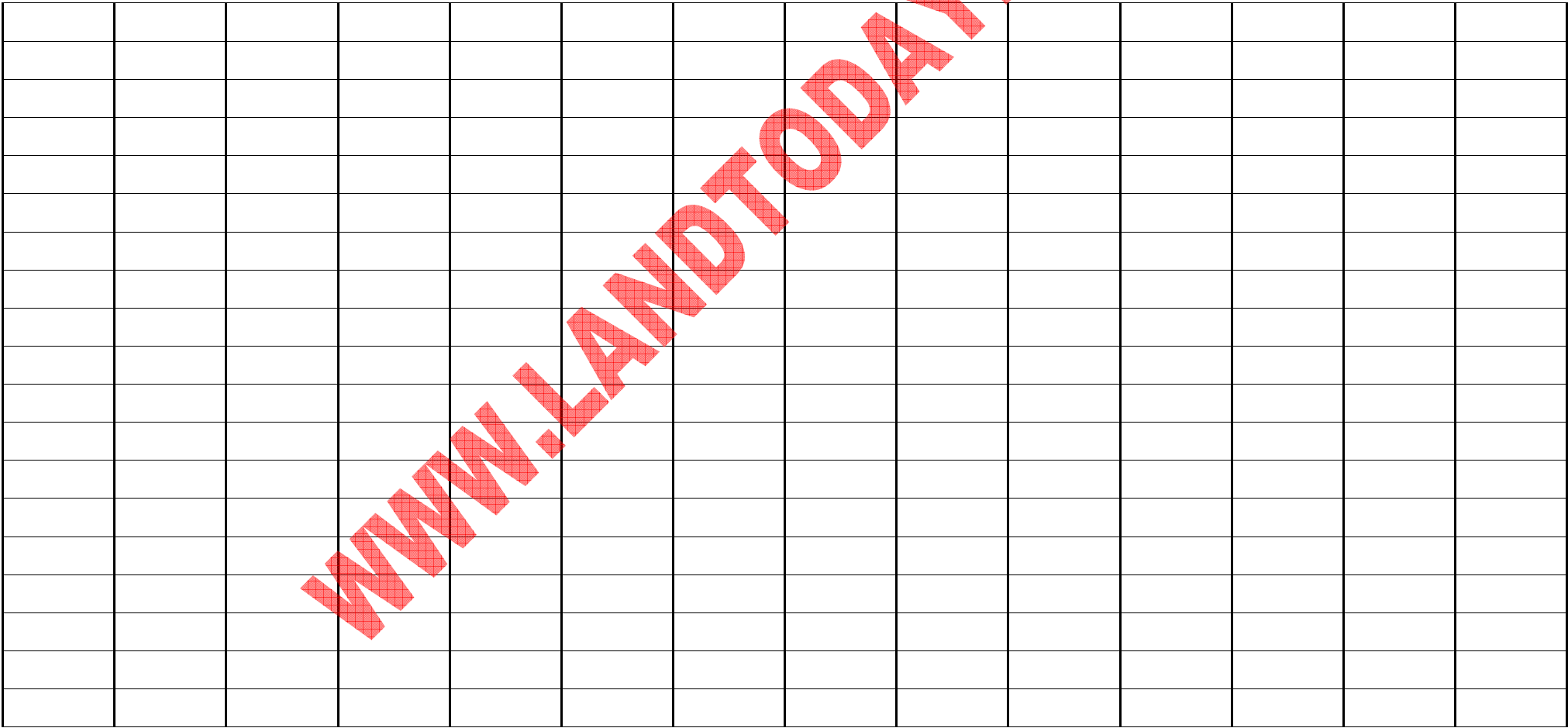


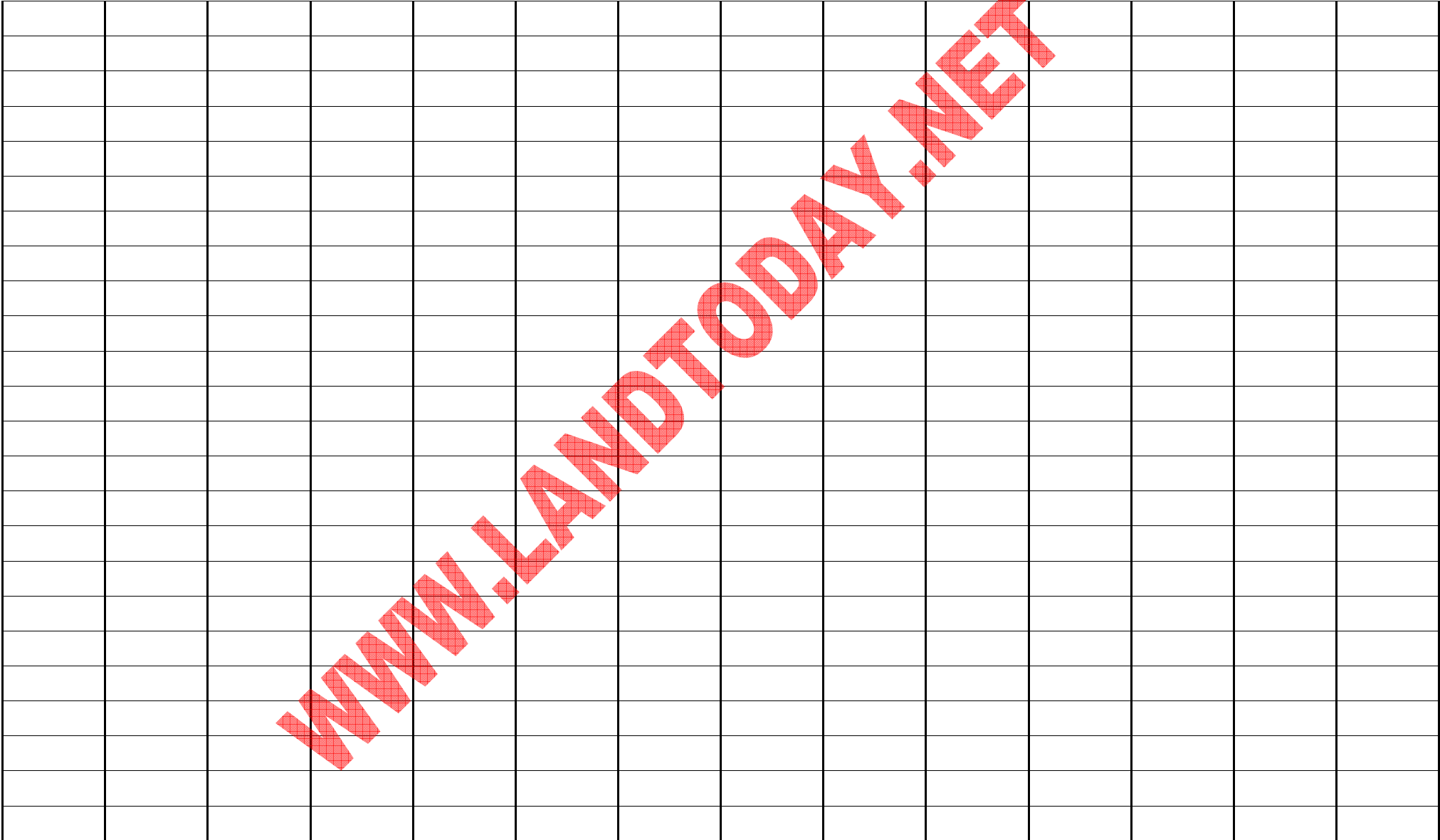
WWW.LANDTODAY.NET

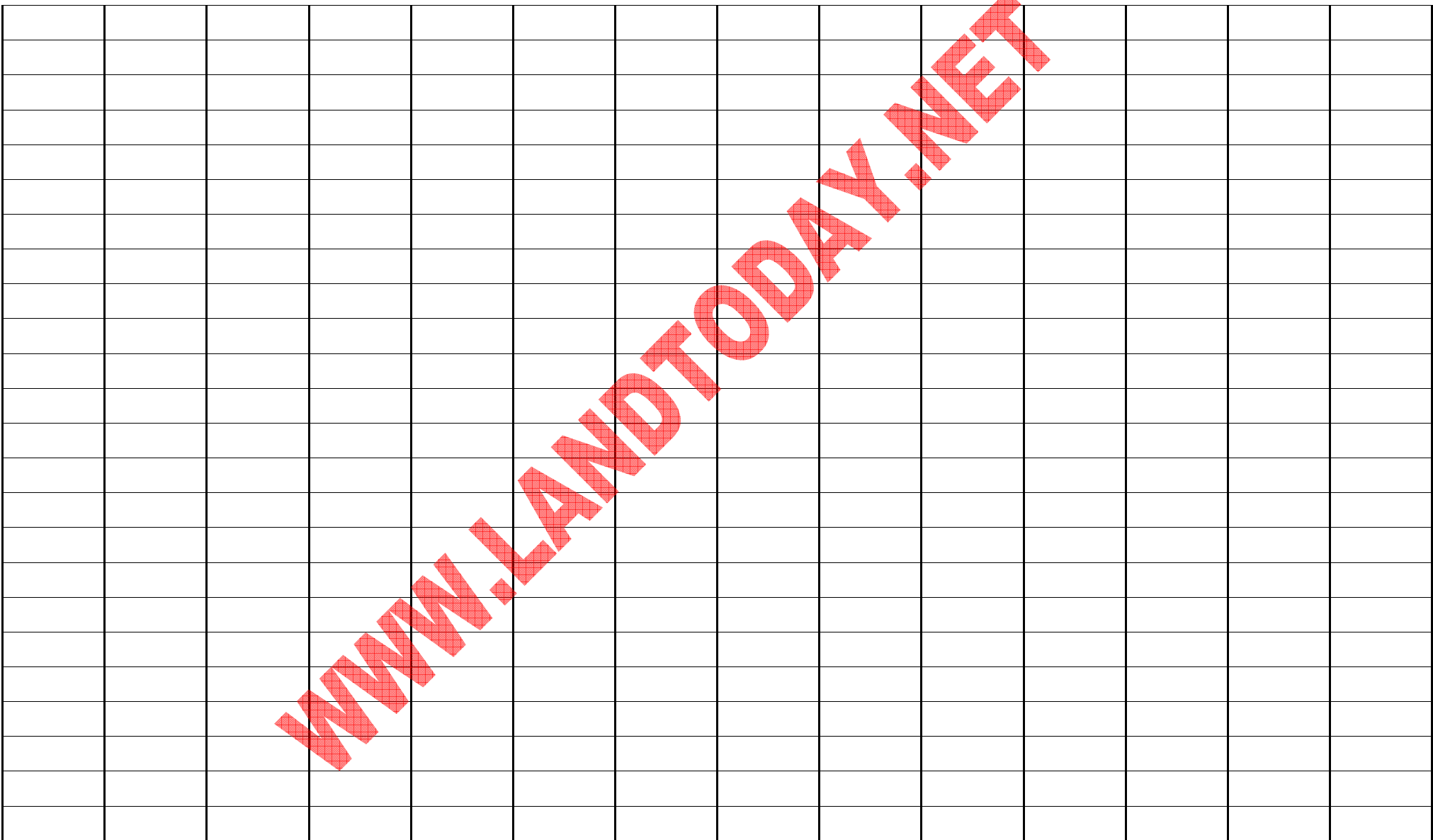
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





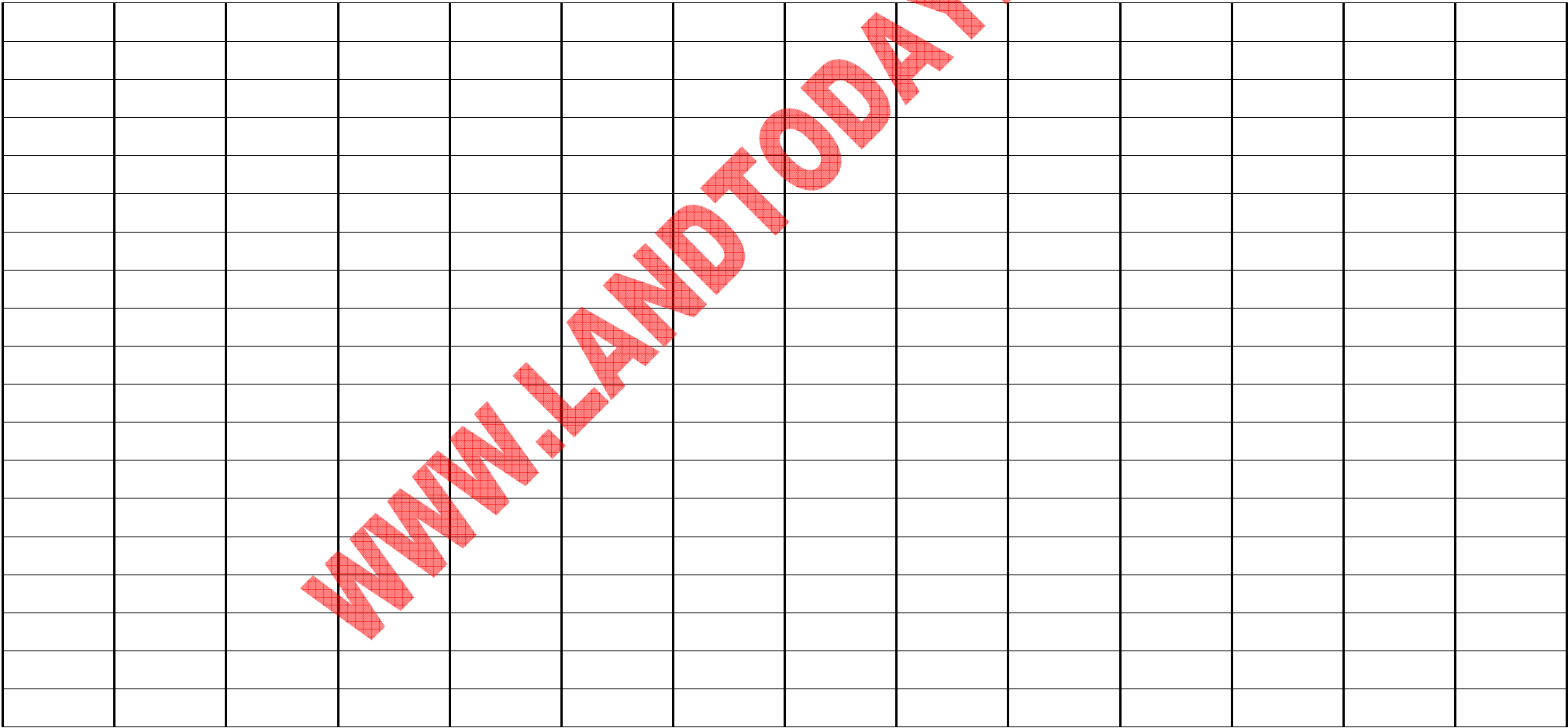


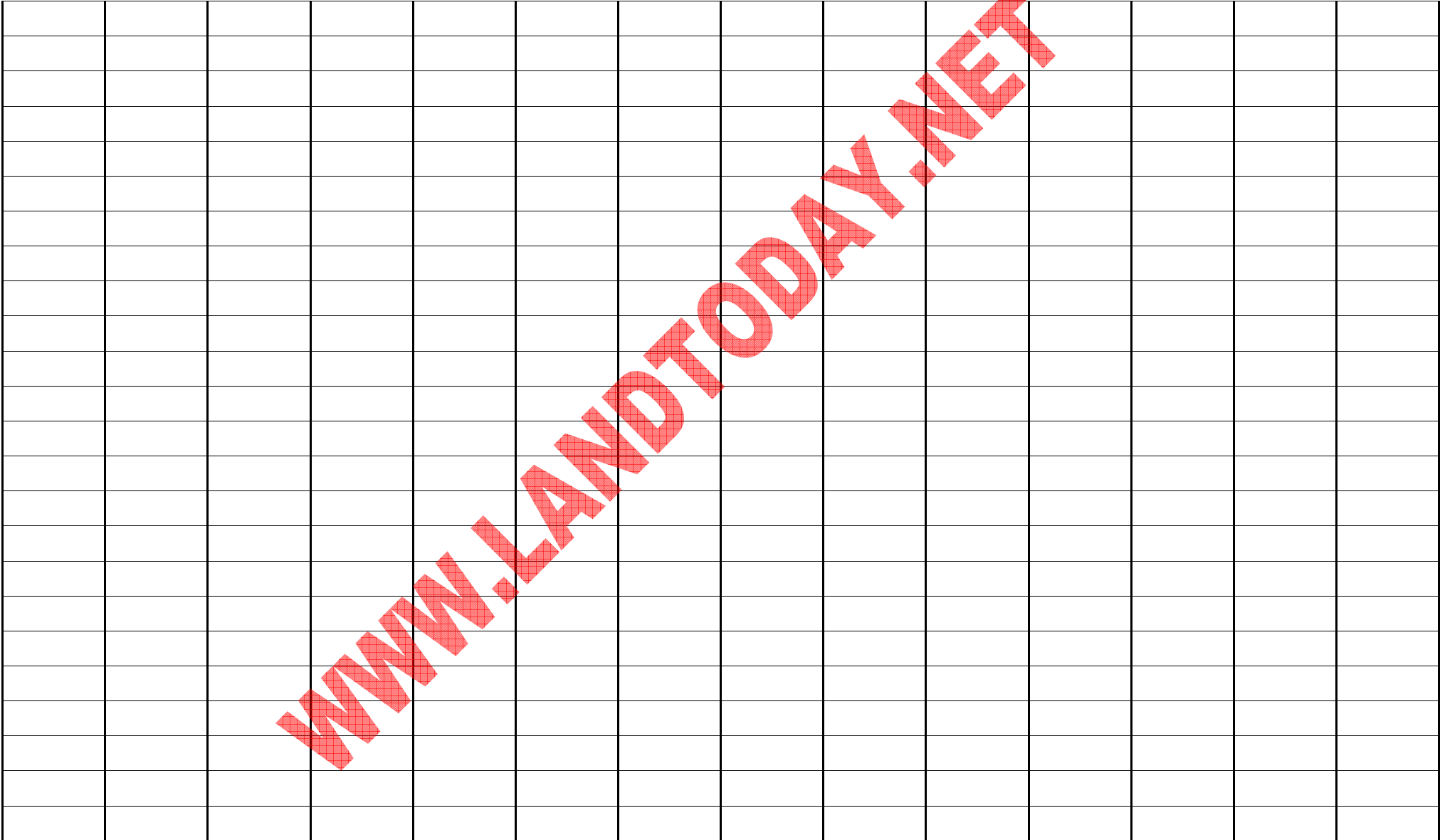
WWW.LANDTODAY.NET

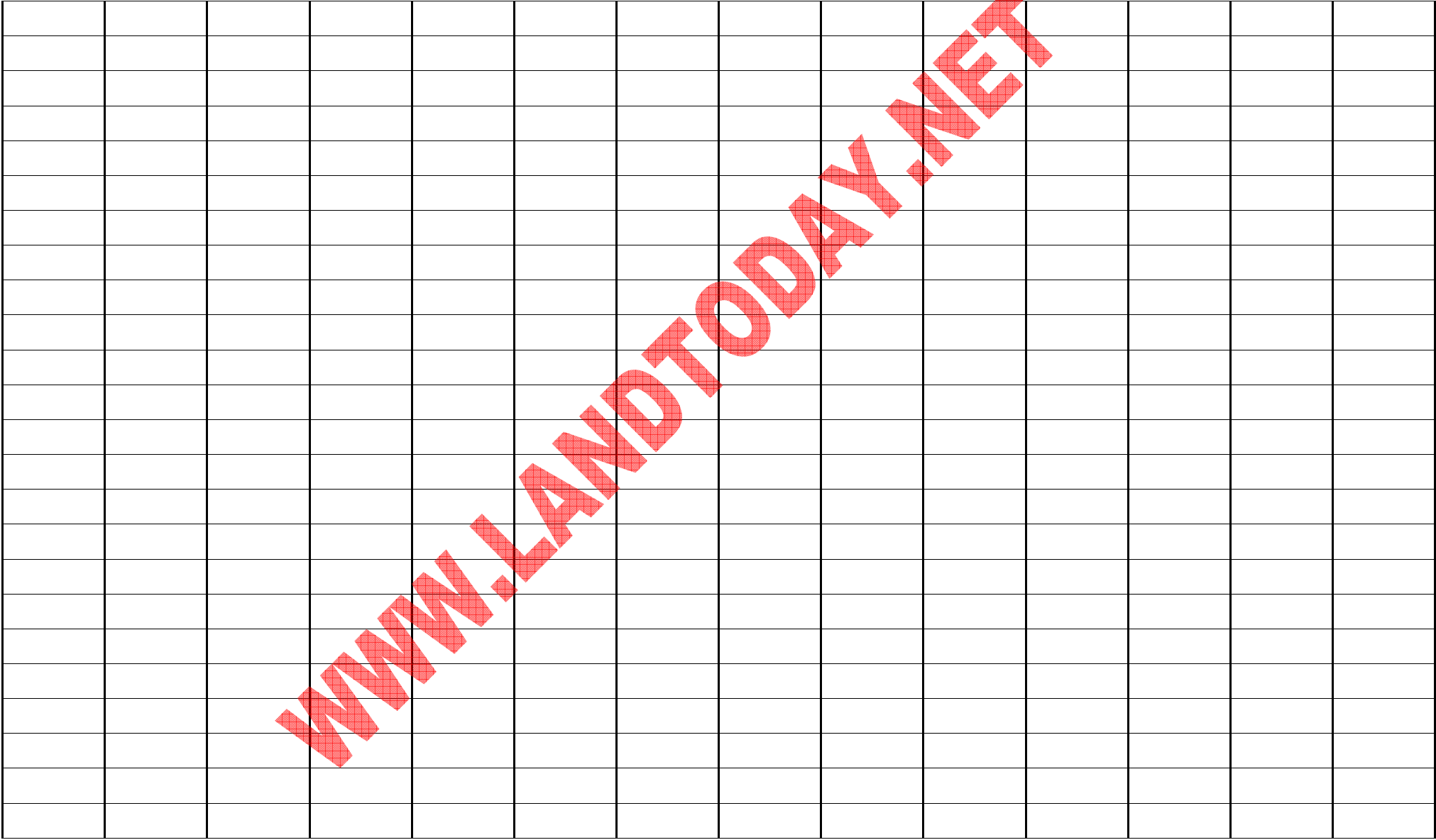
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





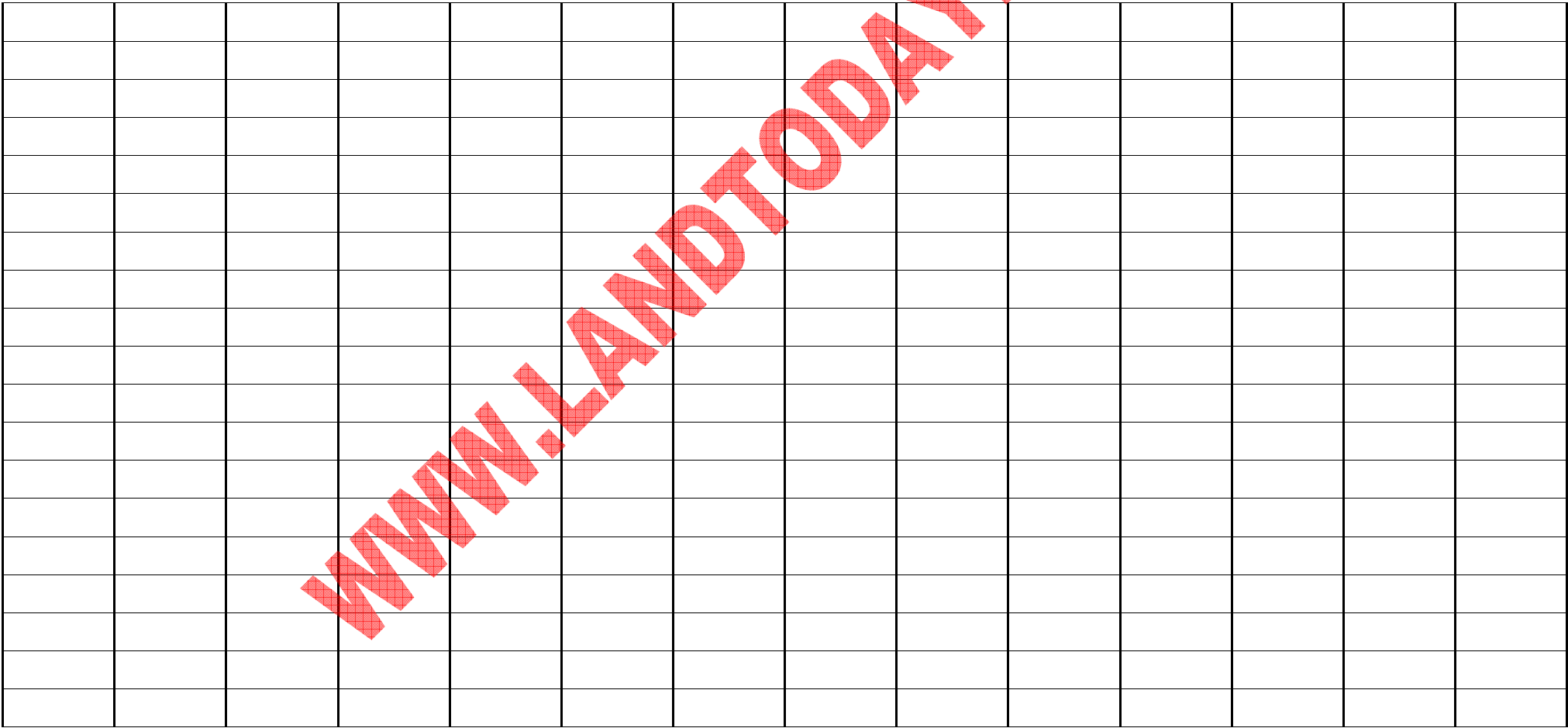


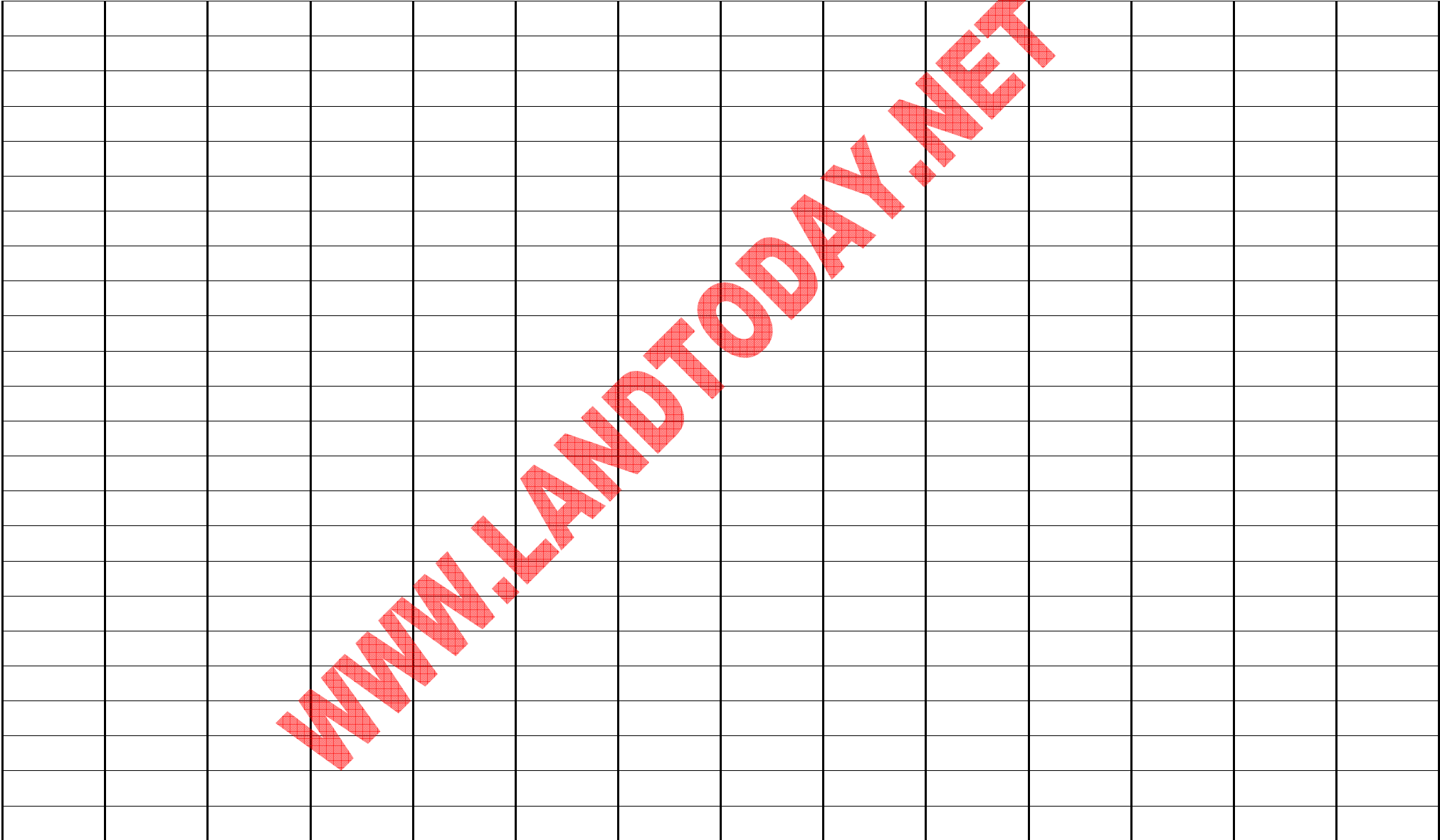
WWW.LANDTODAY.NET

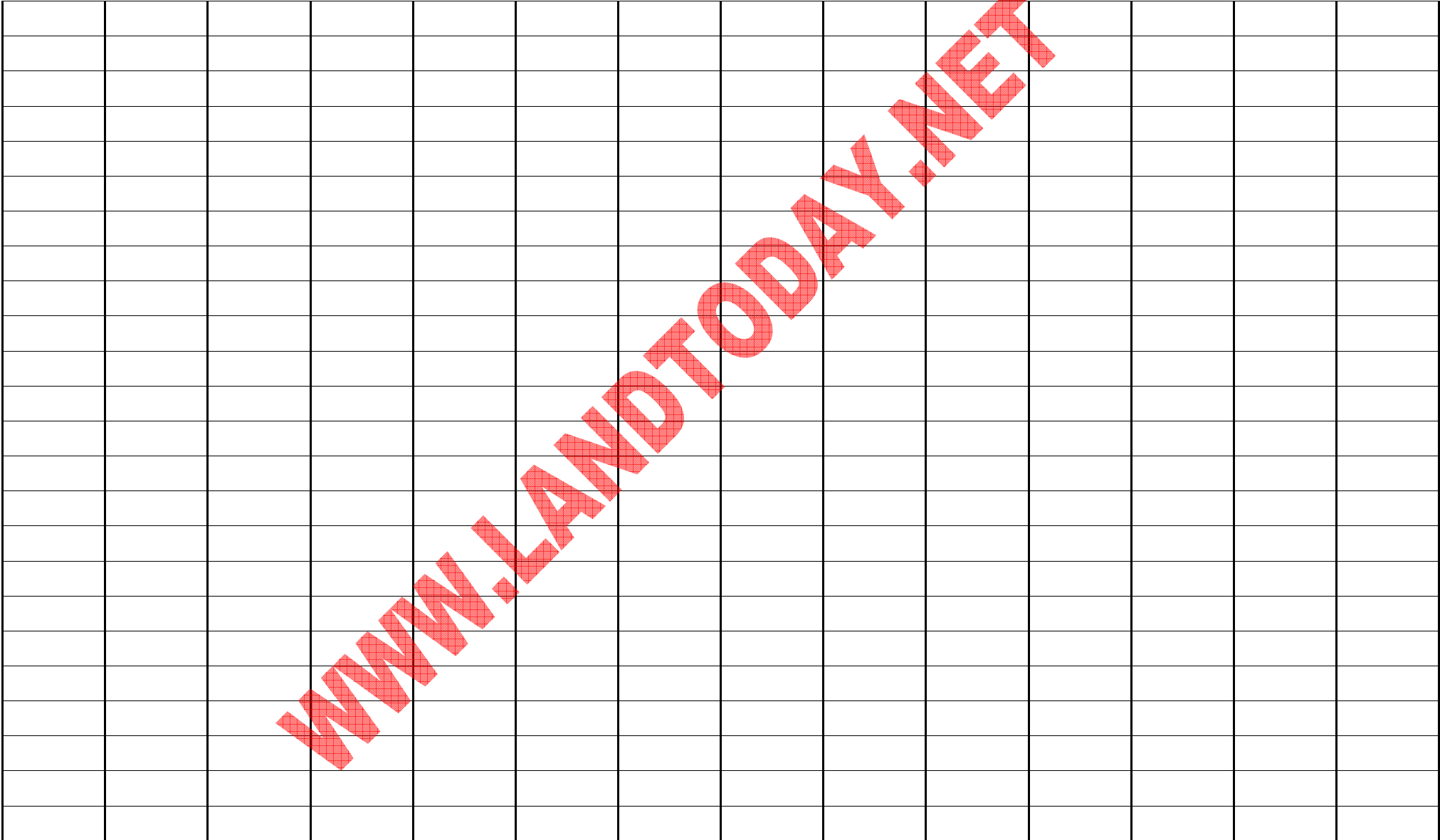
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





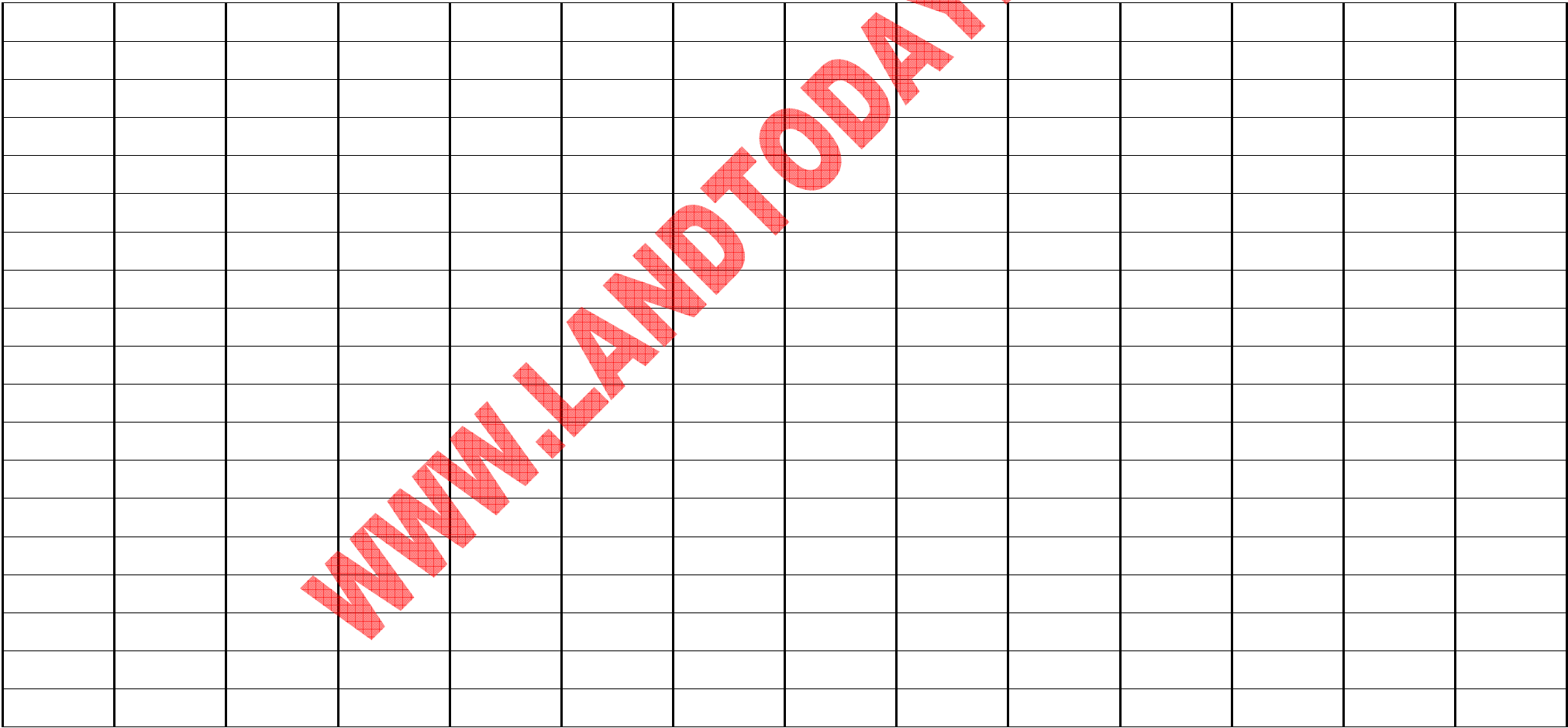


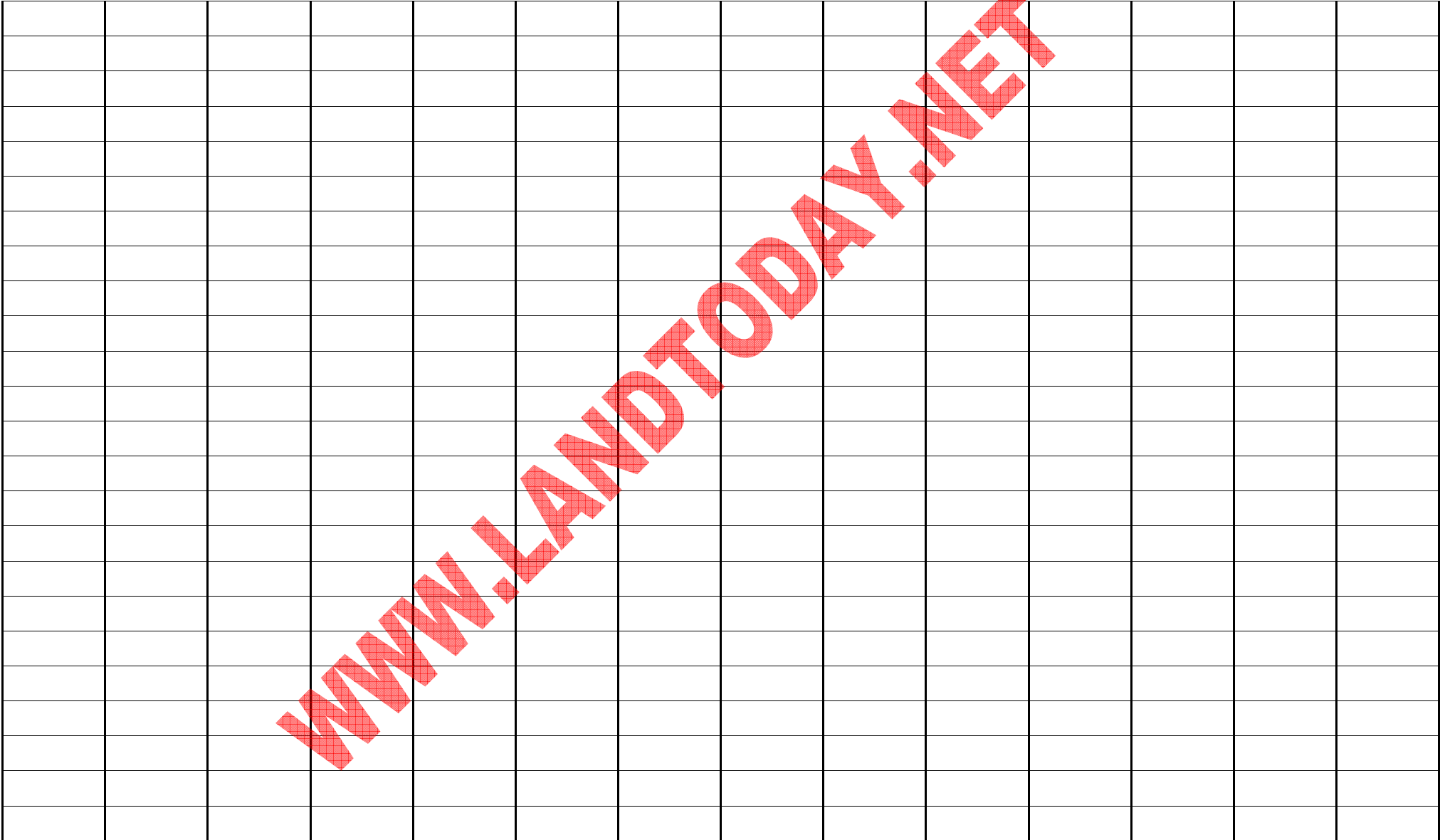
WWW.LANDTODAY.NET

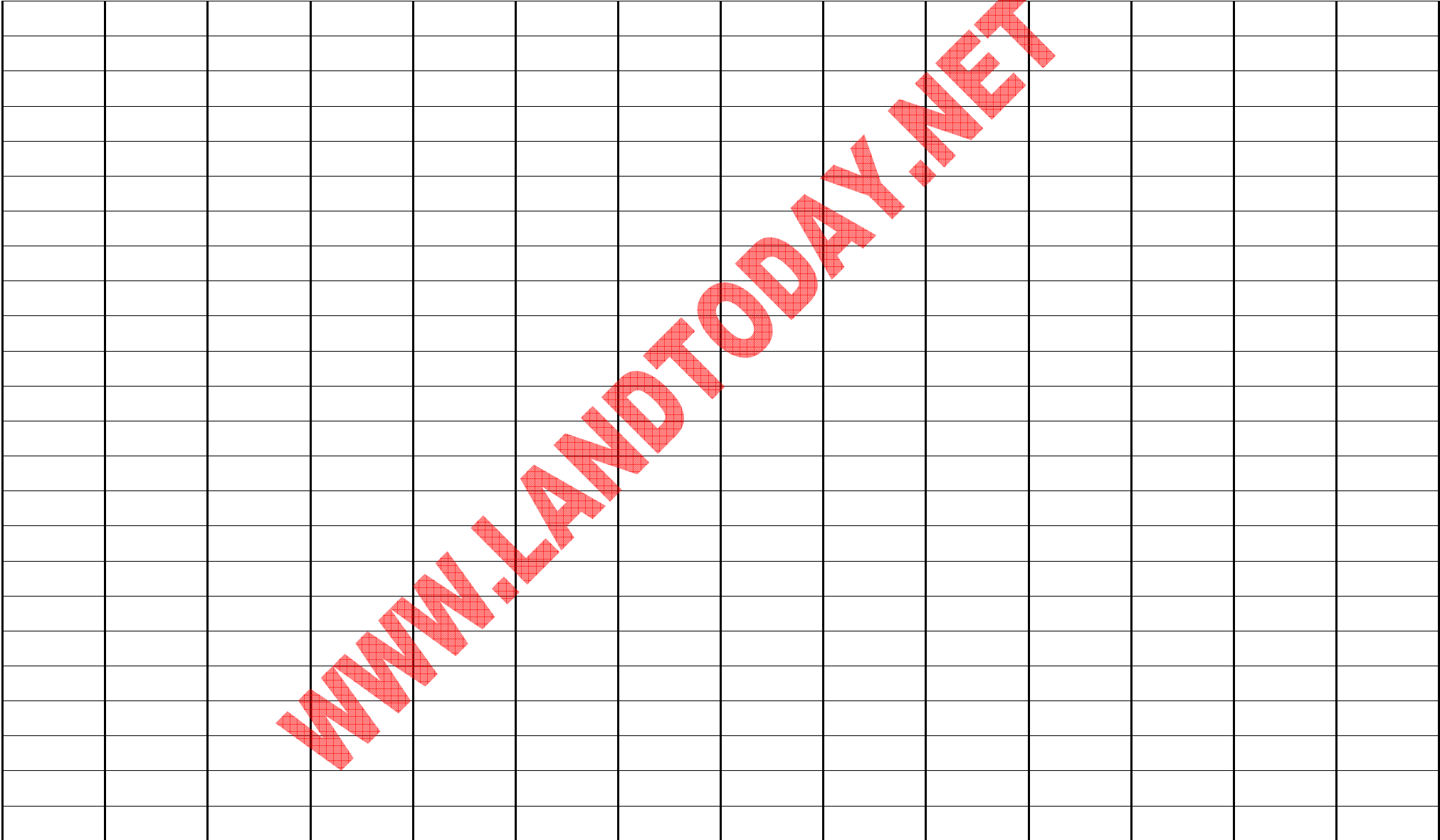
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





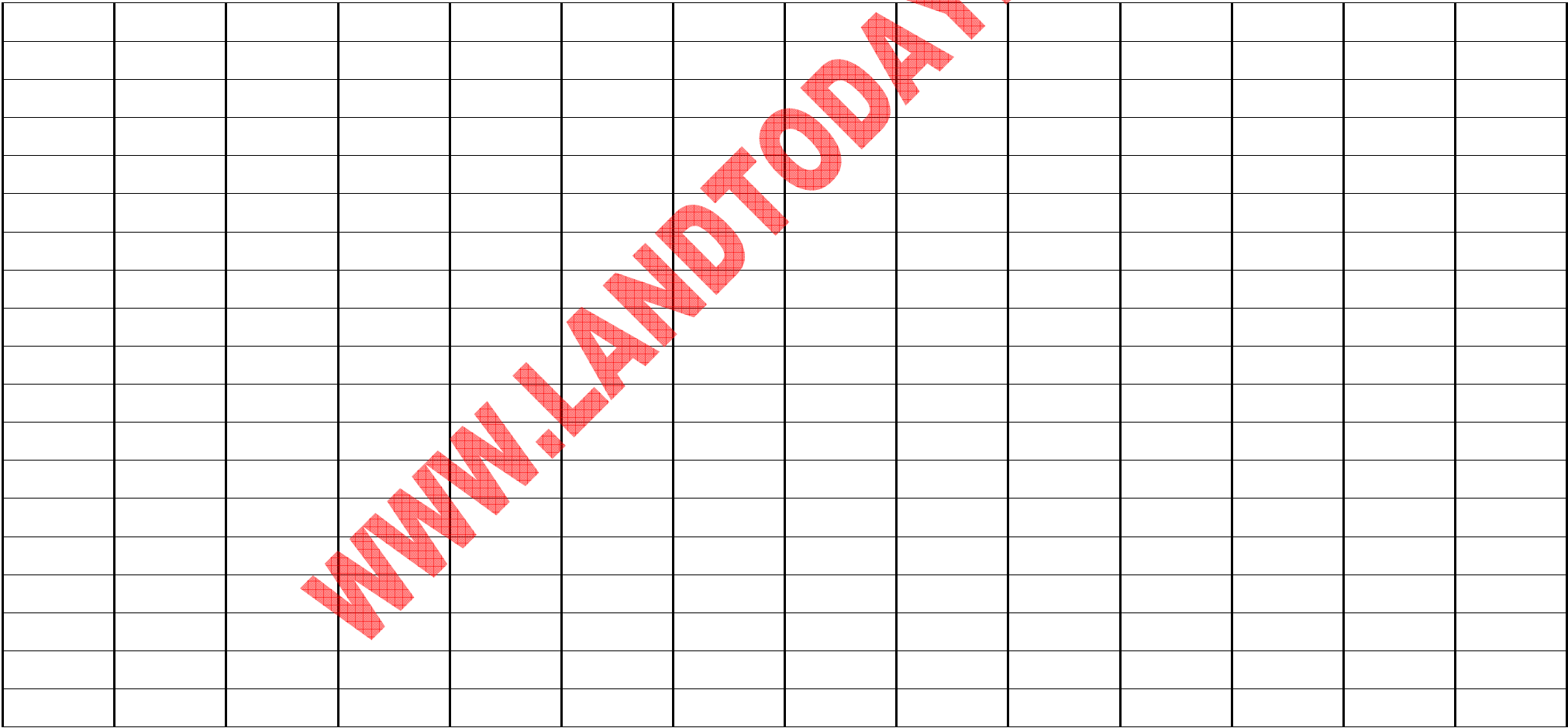


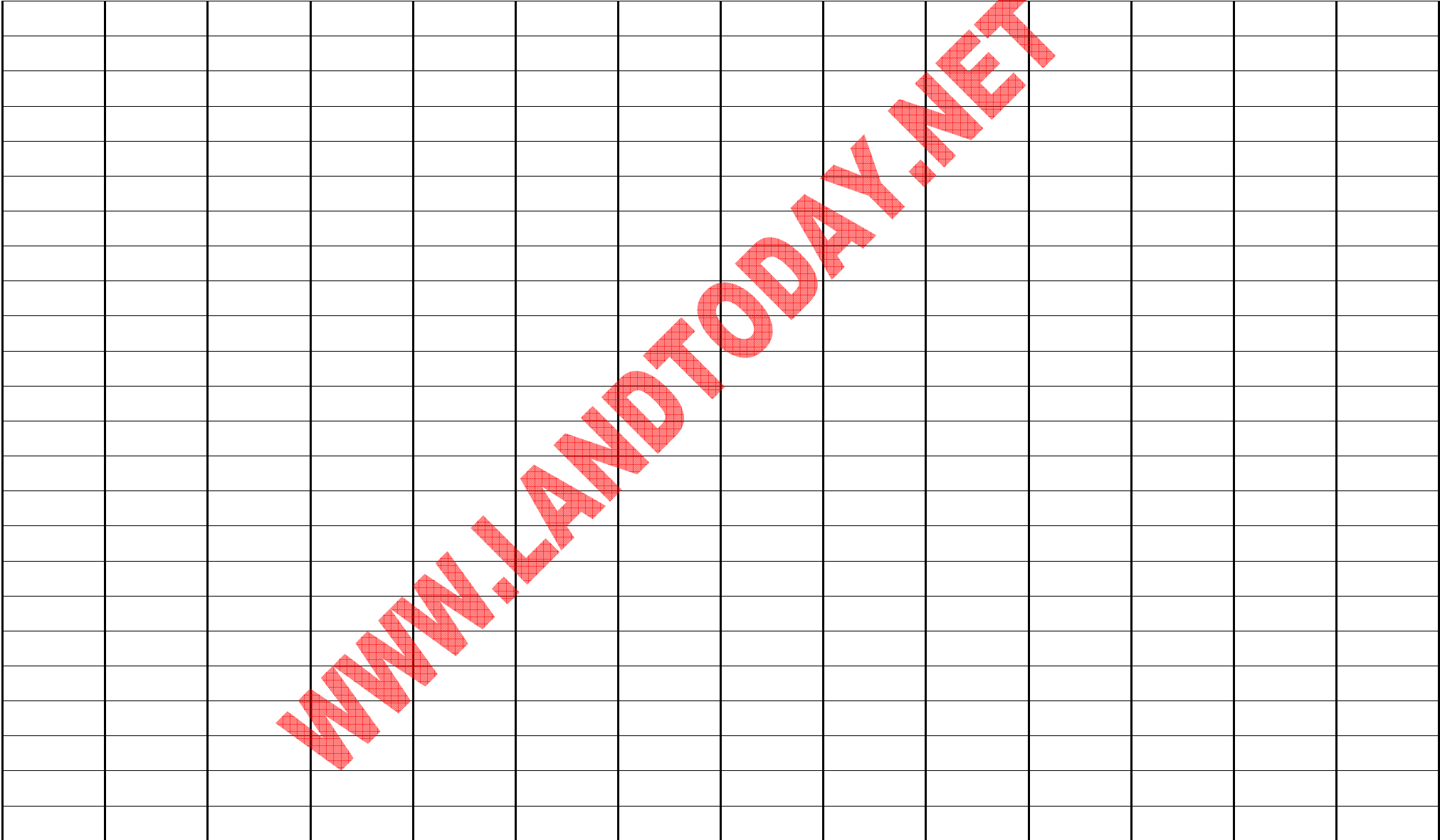
WWW.LANDTODAY.NET

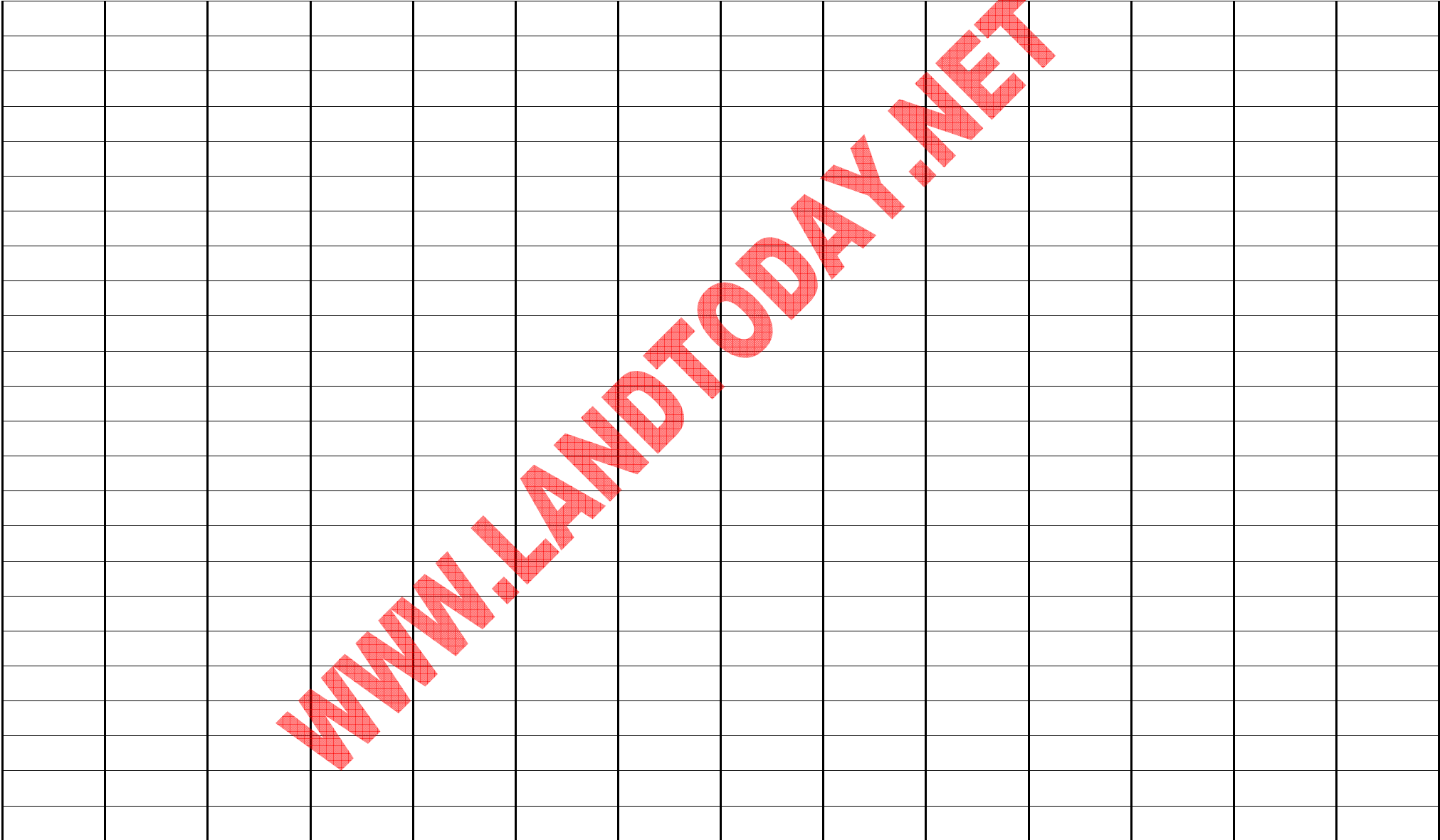
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET





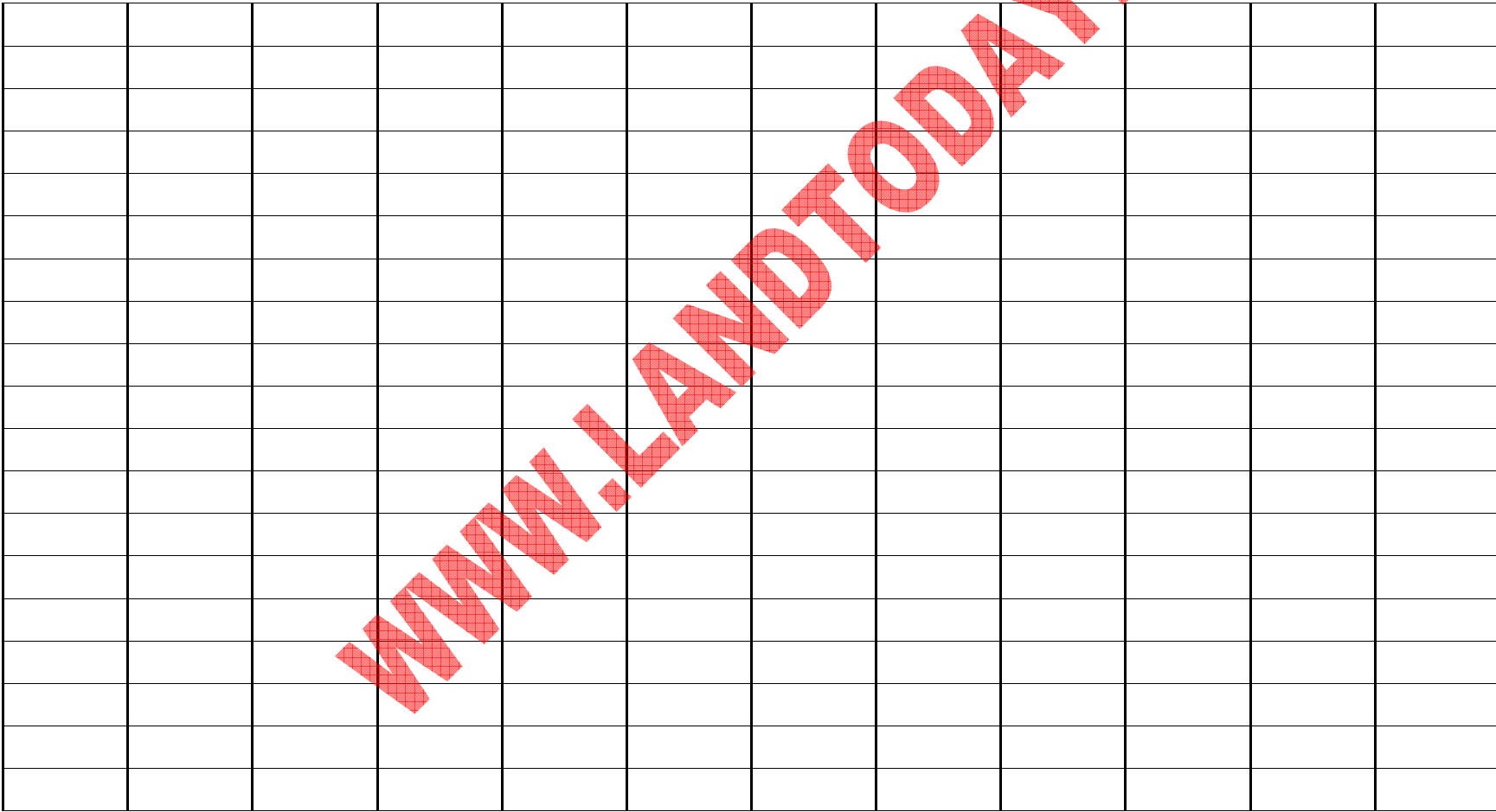


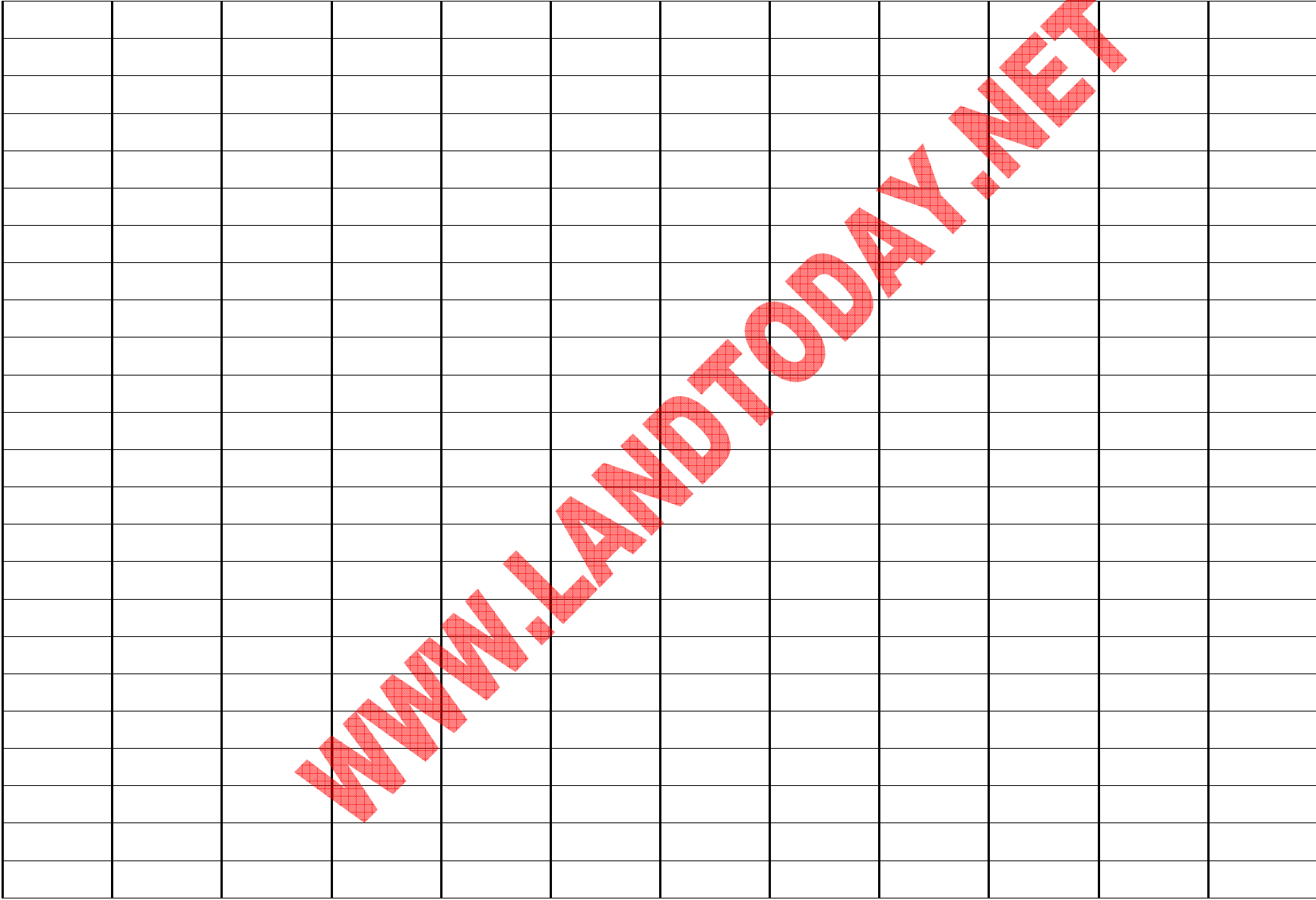
WWW.LANDTODAY.NET

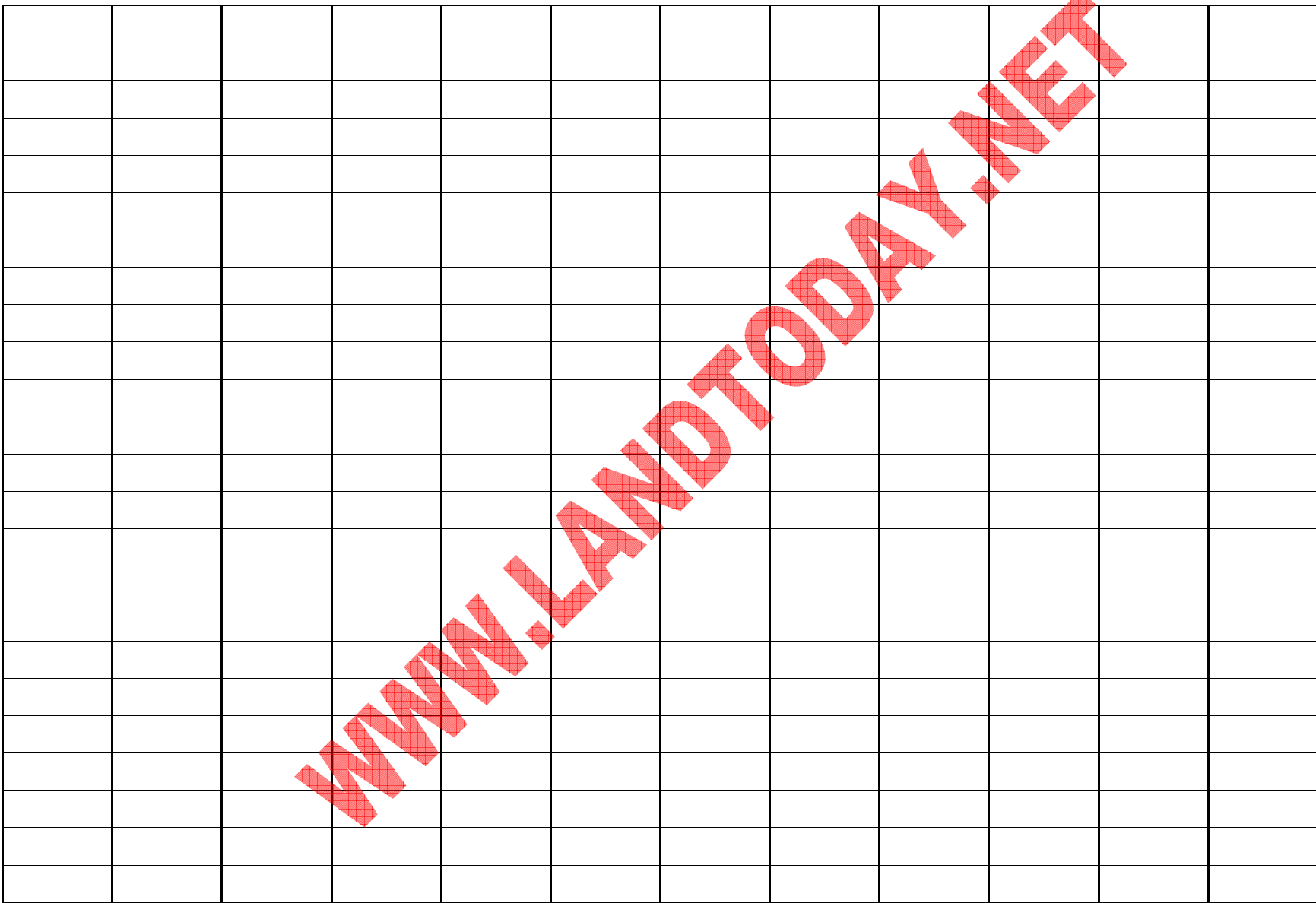
WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET

WWW.LANDTODAY.NET







WWW.LANDTODAY.NET